



FROM



arkansas
health & wellness.

Danh Mục Thuốc 2024

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



Ambetter.ARhealthwellness.com

Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter from Arkansas Health & Wellness, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc theo toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng xuất hiện trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng ngừa và được Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Cả Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1A**- Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1B**- Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Pharmacy Services sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết đối với các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn về Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và dạng không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu “**Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày**” cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong bất kỳ khoảng thời gian 28 ngày nào và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong bất kỳ khoảng thời gian 90 ngày nào. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily); ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
VYVANSE CAPS	3	QL(1 ea daily); ST
Anorexiants Non-Amphetamine		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
Anti-Obesity Agents		
CONTRACE	3	QL(4 ea daily); PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 ea daily); PA
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 ea daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG</i>	1B	AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
RELEXXII TBCR 27 MG	2	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG	2	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
AMEBICIDES		
Amebicides		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SOLOSEC	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ml per 56 days retail; 280 ml per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ	4	QL(1 ea daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 ea daily); PA
Antirheumatic Antimetabolites		
METHOTREXATE	4	QL(1.714 ea daily); SP; PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN PNKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	HUMIRA PSKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	Gold Compounds		
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML	4	QL(0.072 ea daily); PA	RIDAURA	3	QL(3 ea daily)
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA	Interleukin-1 Blockers		
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.172 ml daily); PA	Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
HADLIMA SOSY	4	QL(0.172 ml daily); PA	KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA
HADLIMA SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 ea daily)
HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA	<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B	
			<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
			<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
			<i>etodolac CAPS</i>	1B	
			<i>etodolac TABS</i>	1B	
			<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); ST
			<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
			<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML</i>	1B	RX/OTC
			<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	
			<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CPCR</i>	1B	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(0.667 ea daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 ea daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>nabumetone</i>	1B	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B	
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
<i>naproxen TABS</i>	1B	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1B	
<i>piroxicam CAPS</i>	1B	
<i>sulindac TABS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>OTEZLA TABS</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>OTEZLA TBPk</i>	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
<i>ENBREL MINI SOCT</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SURECLICK SOAJ</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SOLN</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ENBREL SOLR</i>	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
<i>ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SOSY 50 MG/ML</i>	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
Salicylates		
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A	
<i>diflunisal TABS</i>	1B	
<i>salsalate</i>	1B	
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Opioid Agonists		
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CODEINE SULFATE TABS	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate CP24 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 ea daily)	<i>morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B		<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	NUCYNTA ER TB12	2	QL(2 ea daily); PA
<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	NUCYNTA TABS	2	QL(6 ea daily); PA
<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)	<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B		<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 ea daily); PA
<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>methadone hcl CONC</i>	0	QL(10 ml daily)	<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>methadone hcl SOLN OR</i>	0		SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	3	QL(4 ea daily); PA
METHADONE HCL SOLN IJ	0		SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	3	QL(8 ea daily); PA
<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	0	QL(10 ea daily)	SUBSYS LIQD 100 MCG	3	QL(3 ea daily); PA
<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	0	QL(4 ea daily)	<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
<i>methadone hcl TBSO</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XTAMPZA ER	2	QL(2 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
Opioid Combinations					
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 ea daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)	<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA	Opioid Partial Agonists		
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)	<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)	<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
			<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ml daily); PA
			<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
			<i>nalbuphine hcl</i>	1B	QL(8 ml daily)
			<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
			SUBLOCADE SOSY	3	
			ZUBSOLV SUBL	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Anabolic Steroids		
<i>oxandrolone</i>	1B	
Androgens		
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 ea daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1B	
METHITEST TABS	3	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
UCERIS (<i>budesonide (intrarectal)</i>)	4	QL(3.2 gm daily); PA
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	RX/OTC
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	
RECTIV (<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>)	3	
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EMVERM CHEW	2	1 rtl MAX fill; 60 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
<i>ivermectin</i>	1B	1 rtl MAX fill; 75 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail)
<i>praziquantel</i>	1B	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1B	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
ANTIANSXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>bupirone hcl 5 MG</i>	1A	
<i>bupirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	QL(6 ea daily)
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	
<i>dofetilide</i>	1B	
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
<i>FASENRA PEN SOAJ</i>	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>FASENRA SOSY</i>	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>NUCALA SOAJ</i>	4	QL(0.1073 ml daily); PA
<i>NUCALA SOLR</i>	4	QL(0.1073 ea daily); PA
<i>NUCALA SOSY 100 MG/ML</i>	4	QL(0.1073 ml daily); PA
<i>NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.0144 ml daily); PA
<i>XOLAIR SOLR</i>	4	30 rtl day(s) supply; QL(0.286 ea daily); PA
<i>XOLAIR SOSY 150 MG/ML</i>	4	30 rtl day(s) supply; QL(0.286 ml daily); PA
<i>XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.036 ml daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ml daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
<i>ATROVENT HFA</i>	3	QL(0.44 gm daily)
<i>INCRUSE ELLIPTA</i>	2	QL(1 ea daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SPIRIVA HANDIHALER CAPS (<i>tiotropium bromide monohydrate</i>)	2	QL(1 ea daily)
SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 gm daily)
<i>tiotropium bromide monohydrate</i> CAPS	1B	QL(1 ea daily)
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium</i> CHEW	1B	QL(1 ea daily)
<i>montelukast sodium</i> PACK	1B	QL(1 ea daily)
<i>montelukast sodium</i> TABS	1B	QL(1 ea daily)
<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>zileuton</i> TB12	1B	QL(4 ea daily)
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast</i>	3	QL(1 ea daily)
Steroid Inhalants		
ALVESCO	3	3 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 9 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s); PA
ARNUITY ELLIPTA	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
<i>budesonide (inhalation)</i> SUSP	1B	QL(4 ml daily); PA
<i>fluticasone propionate (inhalation)</i> AEPB	1B	
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
QVAR REDIHALER	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
Sympathomimetics		
<i>albuterol sulfate</i> AERS	1B	
<i>albuterol sulfate</i> NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML	1B	QL(15 ml daily)
<i>albuterol sulfate</i> NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML	1B	
<i>albuterol sulfate</i> SYRP	1B	
<i>albuterol sulfate</i> TABS	1B	
ANORO ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ml daily)
BREO ELLIPTA (<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>)	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
BREO ELLIPTA	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 gm daily)
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s); 1 mail MAX fill

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DULERA	2		<i>aminophylline SOLN</i>	1B	
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	<i>theophylline ELIX</i>	1B	
<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1B	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	<i>theophylline SOLN</i>	1B	QL(56 ml daily)
<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	<i>theophylline TB12</i>	1B	
<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ml daily)	<i>theophylline TB24</i>	1B	
<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ml daily)	ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
<i>levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML</i>	1B		Coumarin Anticoagulants		
<i>levalbuterol hcl</i>	1B	QL(12 ml daily)	<i>warfarin sodium TABS</i>	1B	
<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 gm daily)	Direct Factor Xa Inhibitors		
SEREVENT DISKUS	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(2.47 ea daily)
STIOLTO RESPIMAT	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)
STRIVERDI RESPIMAT	2		XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B		XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 days retail; 900 ml per 30 days mail)
<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B		XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)
TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)
Xanthines			Heparins And Heparinoid-Like Agents		
			<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ml daily)
			<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ml daily); SP
			<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
			<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ml daily)
			<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
			<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ml per 180 days retail; 4 ml per 180 days mail); SP	<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 5 mail pack lmt amt; 30 mail pack lmt day(s)
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ml per 180 days retail; 4 ml per 180 days mail); SP	NAYZILAM	3	QL(10 ea per 30 days retail); PA
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ml per 180 days retail; 5 ml per 180 days mail); SP	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ml per 180 days retail; 7 ml per 180 days mail); SP	VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA	VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B		VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B		Anticonvulsants - Misc.		
Thrombin Inhibitors			APTIOM	3	QL(2 ea daily); ST
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B		BANZEL TABS 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 ea daily); PA
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures			BANZEL TABS 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 ea daily); PA
AMPA Glutamate Receptor Antagonists			BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	3	QL(20 ml daily); PA
FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 ea daily); PA	BRIVIACT TABS	3	QL(2 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 ea daily); PA	<i>carbamazepine CHEW</i>	1B	
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 ea daily); PA	<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 ea daily); PA	<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
Anticonvulsants - Benzodiazepines			<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B	
<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ml daily); PA	<i>carbamazepine SUSP</i>	1B	
<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>carbamazepine TABS</i>	1B	
<i>clonazepam TABS</i>	1A		<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
			<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DIACOMIT CAPS	4	QL(12 ea daily); PA	<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B	
DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA	<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ml daily); PA
DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA	<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 ea daily); PA
EPIDIOLEX	3	PA	<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>gabapentin CAPS</i>	1B		TEGRETOL SUSP (<i>carbamazepine</i>)	2	
<i>gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ml daily)	TEGRETOL TABS (<i>carbamazepine</i>)	2	
<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B		<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML</i>	1B	QL(40 ml daily)	<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>topiramate CS24</i>	3	PA
LAMICTAL TABS 150 MG, 200 MG (<i>lamotrigine</i>)	3		<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 ea daily)	<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 ea daily)	<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>lamotrigine TABS</i>	1B		<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 ea daily)	Carbamates		
<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ml daily)	<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	GABA Modulators		
<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>tiagabine hcl</i>	1B	
<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)	<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	Hydantoins		
<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA	DILANTIN (<i>phenytoin sodium extended</i>)	2	
<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA	DILANTIN	2	
<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ml daily); PA	DILANTIN INFATABS CHEW (<i>phenytoin</i>)	2	
			DILANTIN-125 SUSP (<i>phenytoin</i>)	2	
			<i>fosphenytoin sodium</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B		<i>bupropion hcl TB12 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B		<i>bupropion hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>phenytoin CHEW</i>	1B		<i>bupropion hcl TB24 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>phenytoin SUSP</i>	1B		Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
Succinimides			<i>EMSAM</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>CELONTIN (methsuximide)</i>	3	QL(4 ea daily)	<i>MARPLAN</i>	2	QL(6 ea daily)
<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>phenelzine sulfate</i>	1B	
<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)	<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B	
<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 ea daily)	N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
<i>ZARONTIN CAPS (ethosuximide)</i>	2	QL(6 ea daily)	<i>SPRAVATO 56MG DOSE</i>	4	PA
Valproic Acid			<i>SPRAVATO 84MG DOSE</i>	4	PA
<i>divalproex sodium TB24</i>	1B		Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B		<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML</i>	1B		<i>citalopram hydrobromide TABS 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>valproic acid CAPS</i>	1B		<i>citalopram hydrobromide TABS 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression					
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)					
<i>mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>citalopram hydrobromide TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>mirtazapine TABS 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)	<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>mirtazapine TABS 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>escitalopram oxalate TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>escitalopram oxalate TABS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)	<i>escitalopram oxalate TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>fluoxetine hcl CAPS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
Antidepressants - Misc.					
<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>fluoxetine hcl CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>fluoxetine hcl CAPS 10 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>fluvoxamine maleate TABS 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>paroxetine hcl TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl TB24 12.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>sertraline hcl TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
Serotonin Modulators		
<i>nefazodone hcl</i>	1B	
<i>trazodone hcl TABS</i>	1B	
TRINTELLIX	3	QL(1 ea daily); PA
VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s)
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>desvenlafaxine succinate 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>duloxetine hcl CPEP 40 MG</i>	1B	
<i>duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
FETZIMA TITRATION PACK C4PK	3	PA
FETZIMA CP24	3	QL(1 ea daily); PA
<i>venlafaxine hcl CP24 75 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24 37.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Tricyclic Agents		
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1B	
<i>amoxapine</i>	1B	
<i>clomipramine hcl</i>	1B	
<i>desipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CONC</i>	1B	
<i>imipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>imipramine pamoate</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B	
<i>protriptyline hcl</i>	1B	
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B	
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar		
Alpha-Glucosidase Inhibitors		
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antidiabetic Combinations			SYNJARDY TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	XULTOPHY 100/3.6	2	QL(0.5 ml daily); PA
<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	Biguanides		
<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 ea daily)
GLYXAMBI	2	QL(1 ea daily)	<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 ea daily)	<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1B	QL(2.5 ea daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 ea daily)	<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 ea daily)	<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 ea daily)	Diabetic Other		
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>diazoxide</i>	3	
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>glucagon (rdna)</i>	1B	QL(0.035 ea daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
SOLIQUA 100/33	2	QL(0.5 ml daily); PA	<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 ea daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)	JANUVIA	2	QL(1 ea daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)	<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
			Incretin Mimetic Agents		
			OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily); PA
			OZEMPIC SOPN	2	QL(0.108 ml daily); PA
			RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRULICITY	2	QL(0.143 ml daily); PA
VICTOZA	2	QL(0.3 ml daily); PA
Insulin		
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
APIDRA SOLN	3	PA
BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2	
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ml daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ml daily)
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1B	
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1B	
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1B	
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1B	
INSULIN ASPART SOLN IJ	1B	
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2	
INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA
LEVEMIR SOLN	3	PA
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN N SUSP	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
Insulin Sensitizing Agents		
<i>pioglitazone hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
FARXIGA	2	QL(1 ea daily)
JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glimepiride 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TB24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glyburide TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
<i>deferiprone TABS 500 MG</i>	1B	
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
KLOXXADO LIQD	3	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; QL(2 ea per fill retail); RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	0	
<i>naltrexone hcl</i>	0	
VIVITROL	3	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 ea daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ml daily)
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill; QL(4 ea daily); PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 ea daily); PA
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 ea daily); PA
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
<i>aprepitant MISC</i>	1B	PA
VARUBI TBPK	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors		
<i>caspofungin acetate</i>	1B	
ERAXIS	3	
<i>micafungin sodium</i>	1B	PA
Antifungals		
ABELCET	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amphotericin b IV</i>	3		<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A	
<i>amphotericin b liposome</i>	3		<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>flucytosine</i>	1B		<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)	<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B		Antihistamines - Non-Sedating		
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B		<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>nystatin TABS</i>	1B		<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Imidazole-Related Antifungals			<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA	<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>fluconazole SUSR</i>	1B		<i>loratadine CAPS</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B		<i>loratadine CHEW</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>loratadine SOLN</i>	1B	
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily); PA	<i>loratadine TABS</i>	1A	
<i>ketoconazole</i>	1B		<i>loratadine TBDP</i>	1B	
NOXAFIL SUSP (<i>posaconazole</i>)	3	QL(20 ml daily)	Antihistamines - Phenothiazines		
<i>posaconazole SUSP</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML</i>	1B	
TOLSURA CAPS	4	PA	<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B	
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies			<i>promethazine hcl TABS</i>	1B	
Antihistamines - Alkylamines			Antihistamines - Piperidines		
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1B		<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B	
Antihistamines - Ethanolamines			<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B		ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Cholesterol		
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B		Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B		<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antihyperlipidemics - Misc.			<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>simvastatin TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Bile Acid Sequestrants			Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 gm daily)	Nicotinic Acid Derivatives		
<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 gm daily)	Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ml daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 ea daily)	REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ml daily); PA
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 gm daily)	REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ml daily); PA
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)	ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 ea daily)	ACE Inhibitors		
Fibric Acid Derivatives			<i>benazepril hcl</i>	1B	
<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>enalapril maleate TABS</i>	1B	
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>fosinopril sodium</i>	1B	
HMG CoA Reductase Inhibitors			<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV	<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV	<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B	
			<i>ramipril CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B	
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)			
Agents for Pheochromocytoma			<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA	<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
Angiotensin II Receptor Antagonists			<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B	
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
EDARBI	3	QL(1 ea daily); ST	<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>losartan potassium</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B	
Antiadrenergic Antihypertensives			<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>clonidine</i>	3	QL(0.15 ea daily)	<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST
<i>clonidine hcl TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)	<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>doxazosin mesylate</i>	1B		<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>guanfacine hcl</i>	1B		<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)			
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)			
<i>terazosin hcl</i>	1B				
Antihypertensive Combinations					
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B				
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST			
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3				
<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1B				
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>eplerenone</i>	1B	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>bacitracin</i>	3	
IMPAVIDO	3	QL(3 ea daily); PA
<i>metronidazole TABS</i>	1B	
<i>trimethoprim TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 ea daily; 9 ea per 3 days retail; 9 ea per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1B	
<i>meropenem</i>	1B	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ml per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
Leprostatics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dapsone</i>	1B	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B	
CAYSTON	4	QL(3 ml daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
Polymyxins		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1B	
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail)
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 ea per 30 days retail)
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(5 ea daily)
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 ea daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antimychasthenic/Cholinergic Agents			<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA
FIRDAPSE	4	PA	<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	SP; PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA	GLEOSTINE 10 MG	4	SP; PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1B		GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B		<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B		<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)			LEUKERAN	4	SP; PA
Antimycobacterial Agents			<i>melphalan</i>	1B	
CAPASTAT SULFATE	3		<i>melphalan hcl</i>	1B	
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 ea daily)	MYLERAN TABS	4	SP; PA
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B		<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA
<i>isoniazid SOLN</i>	1B		TEMODAR SOLR	4	SP; PA
<i>isoniazid SYRP</i>	1B		<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>isoniazid TABS</i>	1B		<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA
PASER PACK	3	QL(3 ea daily)	ZANOSAR	4	SP; PA
PRIFTIN	3		Antimetabolites		
<i>pyrazinamide</i>	1B		<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA
<i>rifabutin</i>	1B	PA	<i>capecitabine</i>	4	SP; PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B		<i>clofarabine</i>	4	SP; PA
<i>rifampin SOLR</i>	1B		<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA
SIRTURO	3	PA	<i>decitabine</i>	4	SP; PA
TRECTOR	3	QL(4 ea daily)	<i>floxuridine</i>	4	SP; PA
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer			<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA
Alkylating Agents			<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA	<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA	<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA	<i>mercaptopurine TABS</i>	1B	
<i>carmustine</i>	4	SP; PA	<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B	
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA	<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methotrexate sodium</i> TABS 2.5 MG	1B	SP
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA
<i>pemetrexed disodium</i> SOLR 500 MG	4	SP; PA
<i>pralatrexate</i> 20 MG/ML	4	SP; PA
TABLOID	4	SP; PA
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA
Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors		
INLYTA	4	QL(2 ea daily); SP; PA
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
LENVIMA 12MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
MVASI	4	PA
ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
ZIRABEV	4	PA
Antineoplastic - Antibodies		
ADCETRIS	4	SP; PA
ARZERRA	4	SP; PA
RUXIENCE	4	PA
TRUXIMA	4	PA
YERVOY	4	SP; PA
Antineoplastic - Anti-HER2 Agents		
KANJINTI	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
OGIVRI	4	PA
PERJETA	4	SP; PA
TRAZIMERA	4	PA
TUKYSA	4	PA
Antineoplastic - EGFR Inhibitors		
ERBITUX	4	SP; PA
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 ea daily); PA
GILOTRIF	4	QL(1 ea daily); PA
IRESSA (<i>gefitinib</i>)	4	QL(2 ea daily); PA
TAGRISSO 80 MG	4	QL(1 ea daily); PA
TAGRISSO 40 MG	4	QL(2 ea daily); PA
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA
VIZIMPRO	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors		
DAURISMO	4	PA
ERIVEDGE	4	QL(1 ea daily); SP; PA
ODOMZO	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - Hormonal and Related Agents		
<i>abiraterone acetate</i> 250 MG	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>abiraterone acetate</i> 500 MG	4	QL(2 ea daily); PA
<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>bicalutamide</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
EMCYT	4	SP; PA
ERLEADA 240 MG	4	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ERLEADA 60 MG	4	QL(4 ea daily); PA
<i>exemestane</i>	4	QL(1 ea daily); SP
FIRMAGON	4	QL(0.143 ea daily); SP; PA
<i>flutamide</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ml daily); SP; PA
<i>letrozole</i>	1B	
<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 ea daily); SP; PA
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
LYSODREN	4	SP; PA
<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	
<i>megestrol acetate TABS</i>	1B	
<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
<i>toremifene citrate</i>	1B	
TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
XTANDI CAPS	4	QL(4 ea daily); SP; PA
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 ea daily); PA
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 ea daily); PA
YONSA	4	QL(4 ea daily); PA
ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 ea daily); SP; PA
ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
Antineoplastic - Immunomodulators		
POMALYST	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AYVAKIT	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - XPO1 Inhibitors		
XPOVIO	4	PA
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	4	PA
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	4	PA
Antineoplastic Antibiotics		
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl liposomal</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA
<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA
Antineoplastic Combinations		
KISQALI FEMARA 200 DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 400 DOSE	4	QL(2.5 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 600 DOSE	4	QL(3.25 ea daily); PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors		
ALECENSA	4	QL(4 ea daily); PA
ALUNBRIG TABS	4	QL(1 ea daily); PA
ALUNBRIG TBPK	4	QL(1 ea daily); PA
BALVERSA	4	PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA	KISQALI	4	QL(2 ea daily); PA
BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); PA	KOSELUGO	4	PA
BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA	KYPROLIS	4	PA
BRAFTOVI 75 MG	4	SP; PA	<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
BRUKINSA	4	PA	LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA
CABOMETYX TABS	4	QL(1 ea daily); PA	LYNPARZA TABS	4	QL(4 ea daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA	MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 ea daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA	MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 ea daily); PA
CAPRELSA	4	QL(1 ea daily); SP; PA	MEKTOVI	4	SP; PA
COMETRIQ KIT	4	QL(4 ea daily); SP; PA	NINLARO	4	QL(0.143 ea daily); PA
COMETRIQ KIT	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
COMETRIQ KIT	4	QL(3 ea daily); SP; PA	PEMAZYRE	4	QL(1 ea daily); PA
COPIKTRA	4	PA	PIQRAY 200MG DAILY DOSE	4	PA
<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	PIQRAY 250MG DAILY DOSE	4	PA
IBRANCE CAPS	4	QL(1 ea daily); PA	PIQRAY 300MG DAILY DOSE	4	PA
IBRANCE TABS	4	QL(1 ea daily); PA	QINLOCK	4	PA
ICLUSIG	4	QL(1 ea daily); PA	RETEVMO	4	PA
<i>imatinib mesylate</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA
IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 ea daily); PA	ROZLYTREK CAPS	4	PA
IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 ea daily); PA	RUBRACA	4	QL(4 ea daily); PA
IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ml daily); PA	<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
IMBRUVICA TABS	4	QL(1 ea daily); PA	SPRYCEL	4	QL(1 ea daily); SP; PA
INREBIC	4	PA	STIVARGA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
JAKAFI	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
KISQALI	4	QL(2.5 ea daily); PA	TABRECTA	4	PA
			TAFINLAR CAPS	4	QL(4 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	4	QL(1 ea daily); PA	NIPENT	4	SP; PA
TASIGNA 150 MG, 200 MG	4	QL(4 ea daily); SP; PA	PHOTOFRIN	4	SP; PA
TASIGNA 50 MG	4	QL(4 ea daily); PA	PROLEUKIN	4	SP; PA
TAZVERIK	4	PA	SYNRIBO	4	SP; PA
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ml daily); SP; PA	<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
TIBSOVO	4	PA	UVADEX	4	SP; PA
TURALIO	4	PA	Chemotherapy Adjuncts		
TURALIO	4	PA	KEPIVANCE 6.25 MG	4	SP; PA
VERZENIO	4	QL(2 ea daily); PA	Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
VITRAKVI CAPS	4	PA	<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	
VITRAKVI SOLN	4	PA	<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
VOTRIENT (<i>pazopanib hcl</i>)	4	QL(4 ea daily); SP; PA	<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
XALKORI CAPS	4	QL(2 ea daily); SP; PA	VORAXAZE	4	SP; PA
XOSPATA	4	PA	Mitotic Inhibitors		
ZEJULA CAPS	4	QL(3 ea daily); PA	<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
ZELBORAF	4	SP; PA	<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA
ZOLINZA	4	QL(4 ea daily); SP; PA	ETOPOPHOS	4	SP; PA
ZYDELIG	4	QL(2 ea daily); PA	<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
Antineoplastic Enzymes			<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	SP; PA
ONCASPAR	4	SP; PA	HALAVEN	4	SP; PA
Antineoplastics Misc.			IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
ACTIMMUNE	4	SP; PA	JEVTANA	4	SP; PA
<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA
<i>bexarotene</i>	4	SP; PA	<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA	<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
<i>hydroxyurea</i>	1B		<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA
INTRON A SOLR 18000000 UNIT	4	SP; PA	Topoisomerase I Inhibitors		
MATULANE	4	SP; PA	HYCANTIN CAPS	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	SP; PA
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>carbidopa</i>	1B	
Antiparkinson Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1B	
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>tolcapone</i>	1B	
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B	
<i>amantadine hcl TABS</i>	1B	
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B	
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B	
NEUPRO	2	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); ST
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
Antimanic Agents		
<i>lithium</i>	1B	
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TABS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B	
Antipsychotics - Misc.		
EQUETRO	3	
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
Benzisoxazoles		
FANAPT	2	QL(2 ea daily)
FANAPT TITRATION PACK	2	
<i>paliperidone 6 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RISPERDAL CONSTA (risperidone microspheres)	2	QL(0.072 ea daily); PA	quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG	1B	QL(1 ea daily)
risperidone microspheres	1B	QL(0.072 ea daily); PA	quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG	1B	QL(2 ea daily)
risperidone SOLN	1B	QL(8 ml daily)	Phenothiazines		
risperidone TABS	1B	QL(4 ea daily)	chlorpromazine hcl SOLN	3	
risperidone TBDP	1B	QL(4 ea daily)	chlorpromazine hcl TABS	1B	
Butyrophenones			fluphenazine hcl CONC	1B	
haloperidol decanoate	1B	QL(0.036 ml daily)	fluphenazine hcl ELIX	1B	
haloperidol lactate CONC	1B		fluphenazine hcl SOLN	1B	
haloperidol lactate SOLN	1B		fluphenazine hcl TABS	1B	
haloperidol TABS	1B		perphenazine TABS	1B	
Dibenzapines			prochlorperazine	1B	
asenapine maleate 2.5 MG	1B	QL(4 ea daily)	prochlorperazine maleate TABS	1B	
asenapine maleate 5 MG, 10 MG	1B	QL(2 ea daily)	thioridazine hcl	1B	
clozapine TABS	1B		trifluoperazine hcl TABS	1B	
clozapine TBDP 100 MG	1B	QL(9 ea daily)	Quinolinone Derivatives		
clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG	1B	QL(6 ea daily)	aripiprazole SOLN OR	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
clozapine TBDP 25 MG	1B	QL(3 ea daily)	aripiprazole TABS	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
loxapine succinate	1B		REXULTI	3	PA
olanzapine SOLR	1B	QL(0.215 ea daily)	Thioxanthenes		
olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	1B	QL(2 ea daily)	thiothixene	1B	
olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG	1B	QL(4 ea daily)	ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections		
olanzapine TBDP 20 MG	1B	QL(1 ea daily)	Antiretrovirals		
olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	1B	QL(2 ea daily)	abacavir sulfate- lamivudine	1B	QL(1 ea daily)
quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG	1B	QL(4 ea daily); AL(At least 10 yrs old)	abacavir sulfate SOLN	1B	QL(32 ml daily)
quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)	abacavir sulfate TABS	1B	QL(2 ea daily)
			APTIVUS CAPS	3	QL(4 ea daily)
			atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG	1B	QL(1 ea daily)
			atazanavir sulfate CAPS 200 MG	1B	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
BIKTARVY	3	QL(1 ea daily)	<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
CIMDUO	3	QL(1 ea daily); ST	<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
COMPLERA	3	QL(1 ea daily)	<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>darunavir TABS 800 MG</i>	3	QL(1 ea daily)	LEXIVA SUSP	3	QL(56 ml daily)
<i>darunavir TABS 600 MG</i>	3	QL(2 ea daily)	<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ml daily)
DELSTRIGO	3	QL(1 ea daily)	<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
DOVATO	3	QL(1 ea daily)	<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
EDURANT	3	QL(1 ea daily)	<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>nevirapine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>nevirapine TB24 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	NORVIR PACK	3	QL(12 ea daily)
<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)	NORVIR SOLN	3	QL(15 ml daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)	ODEFSEY	3	QL(1 ea daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	PIFELTRO	3	QL(1 ea daily)
EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ml daily)	PREZCOBIX	3	QL(1 ea daily)
<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	PREZISTA SUSP	3	QL(12 ml daily)
<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	PREZISTA TABS (<i>darunavir</i>)	3	QL(2 ea daily)
EVOTAZ	3	QL(1 ea daily)	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG	3	QL(2 ea daily)
<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)	PREZISTA TABS 800 MG (<i>darunavir</i>)	3	QL(1 ea daily)
FUZEON SOLR	4	SP; PA	RETROVIR IV INFUSION SOLN	3	
GENVOYA	3	QL(1 ea daily)	<i>ritonavir TABS</i>	1B	QL(12 ea daily)
INTELENCE 25 MG	3	QL(8 ea daily)	RUKOBIA	4	PA
ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 ea daily)	SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ml daily)
ISENTRESS CHEW	3	QL(6 ea daily)	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 ea daily)
ISENTRESS TABS	3	QL(2 ea daily)	<i>stavudine CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
JULUCA	3	QL(1 ea daily)	STRIBILD	3	QL(1 ea daily)
<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)	<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B	
			TIVICAY TABS	3	QL(2 ea daily)
			TRIUMEQ TABS	3	QL(1 ea daily)
			TRIZIVIR	3	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TYBOST	3	QL(1 ea daily)
VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 ea daily)
VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 ea daily)
VIREAD POWD	3	QL(7.5 gm daily)
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 ea daily)
zidovudine CAPS	1B	QL(6 ea daily)
zidovudine SYRP	1B	QL(60 ml daily)
zidovudine TABS	1B	QL(2 ea daily)
CMV Agents		
cidofovir	3	
ganciclovir sodium SOLR	1B	
valganciclovir hcl TABS	1B	QL(4 ea daily); PA
Hepatitis Agents		
adefovir dipivoxil	4	QL(1 ea daily); SP; PA
BARACLUDE SOLN	4	QL(20 ml daily); SP; PA
entecavir TABS	4	QL(1 ea daily); SP; PA
EPIVIR HBV SOLN	4	QL(60 ml daily); SP; PA
lamivudine (hbv) TABS	1B	QL(3 ea daily); SP
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ml daily); PA
ribavirin (hepatitis c) CAPS	1B	QL(7 ea daily)
ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG	1B	QL(7 ea daily)
SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS	4	QL(1 ea daily); PA
Herpes Agents		
acyclovir CAPS	1A	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)
acyclovir SUSP	1B	QL(13.34 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
acyclovir TABS OR	1B	QL(5 ea daily)
famciclovir 500 MG	1B	QL(4 ea daily)
famciclovir 125 MG, 250 MG	1B	QL(3 ea daily)
valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG	1B	QL(4 ea daily)
valacyclovir hcl 500 MG	1B	QL(2 ea daily)
Influenza Agents		
oseltamivir phosphate CAPS	1B	Limit 1 fill every 90 days.; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)
oseltamivir phosphate SUSR	1B	Limit 1 fill every 90 days.; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; QL(125 ml per fill retail)
RELENZA DISKHALER	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s)
rimantadine hydrochloride TABS	1B	QL(2 ea daily)
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Alpha-Beta Blockers		
carvedilol	1B	
carvedilol phosphate	3	QL(1 ea daily)
labetalol hcl SOLN	1B	
labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG	1B	
labetalol hcl TABS 300 MG	1B	QL(8 ea daily)
Beta Blockers Cardio-Selective		
acebutolol hcl CAPS	1B	
atenolol TABS	1B	
betaxolol hcl	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B		<i>diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B		<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B		<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B		DILTIAZEM HCL SOLR	1B	
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 ea daily)	<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 ea daily)	<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
Beta Blockers Non-Selective			<i>felodipine</i>	1B	
HEMANGEOL SOLN OR	4	QL(75 ml daily); PA	<i>isradipine CAPS</i>	1B	
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B		<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	
<i>pindolol TABS</i>	1B		<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B		<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B		<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>sotalol hcl (afib/af)</i>	1B		<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B		<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>timolol maleate TABS</i>	1B		<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure			<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1B	
Calcium Channel Blockers			<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B		<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B		CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	Cardiac Glycosides		
			<i>digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
LANOXIN SOLN IJ (<i>digoxin</i>)	2	
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (<i>digoxin</i>)	2	
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
Impotence Agents		
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 ea daily); PA
STENDRA	3	QL(0.134 ea daily)
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 ea daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
OPSUMIT	4	QL(1 ea daily); PA
TRACLEER TBSO	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ml daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ml daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION PACK TBPk	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 ea daily); PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
ADEMPAS	4	QL(3 ea daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
CORLANOR SOLN	3	QL(15 ml daily); PA
CORLANOR TABS	3	QL(2 ea daily); PA
Transthyretin Stabilizers		
VYNDAMAX	4	QL(1 ea daily); PA
VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B	
<i>cefadroxil TABS</i>	1B	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>cephalexin CAPS</i>	1B	
<i>cephalexin SUSR</i>	1B	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor CAPS</i>	1B	
<i>cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1B	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefprozil SUSR</i>	1B	
<i>cefprozil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B	
Cephalosporins - 3rd Generation		
<i>cefdinir CAPS</i>	1B	
<i>cefdinir SUSR</i>	1B	
<i>cefixime CAPS</i>	1B	
<i>cefixime SUSR</i>	1B	ST
<i>cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B	
<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B	
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>ceftriaxone sodium IJ 250 MG</i>	1A	
Cephalosporins - 4th Generation		
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B	
Cephalosporins - 5th Generation		
TEFLARO	3	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy		
Combination Contraceptives - Oral		
BALCOLTRA (<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>)	0	
<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0	
<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0	
<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS</i>	0	
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
LO LOESTRIN FE TABS	0	
NATAZIA	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NEXTSTELLIS	0		DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0	
<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0		<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ml per 90 days retail)
<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0		<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ml per 90 days retail)
<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0		Progestin Contraceptives - Oral		
<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0		<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0	
<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0		OPILL	0	
<i>norethindrone acet & eth estra</i>	0		SLYND	0	QL(1 ea daily)
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0		CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions		
<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0		Glucocorticosteroids		
<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0		<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0		<i>deflazacort TABS</i>	4	PA
<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0		DEPO-MEDROL SUSP	3	
TYBLUME CHEW	0		DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B	
Combination Contraceptives - Transdermal			<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1B	
<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0		<i>dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML</i>	1B	
TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 days retail)	<i>dexamethasone ELIX</i>	1B	
Combination Contraceptives - Vaginal			<i>dexamethasone SOLN</i>	1B	
ANNOVERA	0	PA	<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 ea daily)	<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	
Emergency Contraceptives			EMFLAZA SUSP	4	PA
ELLA	0		EMFLAZA TABS (<i>deflazacort</i>)	4	PA
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0		<i>hydrocortisone TABS</i>	1B	
Progestin Contraceptives - Injectable			MEDROL TABS	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>methylprednisolone TABS</i>	1B	
<i>methylprednisolone TBPK</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate TBDP</i>	3	
<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
<i>prednisolone TABS</i>	1B	
<i>prednisone SOLN</i>	1B	
<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>prednisone TBPK</i>	1B	
SOLU-CORTEF 250 MG	3	
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML</i>	1B	
Mineralocorticoids		
<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B	
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
Antitussives		
<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1B	
TUZISTRA XR	2	PA
Misc. Respiratory Inhalants		
HYPERSAL NEBU	1B	
NEBUSAL NEBU	1B	
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B	
Mucolytics		
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B	
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		
Acne Products		
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>adapalene GEL 0.3 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene GEL 0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA; RX/OTC
AZELEX	3	QL(50 gm per 30 days retail; 50 gm per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 % , 7 % , 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>tretinoin CREA 0.025 % , 0.05 % , 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 gm daily)	<i>tretinoin GEL 0.01 % , 0.025 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	Agents for External Genital and Perianal Warts		
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)	VEREGEN	3	QL(1 gm daily)
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	Antibiotics - Topical		
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 days retail; 15 gm per 30 days mail)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B	
DIFFERIN LOTN	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>mupirocin calcium (topical)</i>	1B	
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail); PA
<i>isotretinoin 10 MG , 20 MG , 30 MG , 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA	Antifungals - Topical		
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC	<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 gm daily); RX/OTC
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; QL(90 gm per fill retail)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 gm daily)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 gm daily); RX/OTC	OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ml daily)
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC			
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 gm daily)			
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B				
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)			
ERTACZO	3	QL(2.15 gm daily)	<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B	
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>tavaborole</i>	1B	PA
<i>luliconazole</i>	1B	PA	Anti-inflammatory Agents - Topical		
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 gm daily)	<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)	<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); RX/OTC
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical		
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)	<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); PA
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)	PANRETIN	3	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail)
			Antipruritics - Topical		
			<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); PA
			Antipsoriatics		
			<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
			<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 gm daily); PA	<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill
<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 gm daily); PA	<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)
<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); PA	Burn Products		
<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 gm daily)	<i>mafenide acetate PACK</i>	3	
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 gm daily)
COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA	SULFAMYLON CREA	3	
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ml daily); PA	Corticosteroids - Topical		
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA	<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>amcinonide CREA</i>	1B	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail)
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ml daily); PA	<i>amcinonide LOTN</i>	3	
SKYRIZI PSKT	4	QL(0.025 ea daily); PA	<i>amcinonide OINT</i>	3	
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B	
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA	<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>tazarotene CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)	<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)
TREMFYA SOPN	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
TREMFYA SOSY	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 gm daily)
Antiseborrheic Products					
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B				
Antivirals - Topical					
<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(6 gm daily)	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B	
<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST	<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST	<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA	<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	
<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 gm daily); PA	<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 gm daily); ST	<i>fluocinonide GEL</i>	1B	
<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily); ST	<i>fluocinonide OINT</i>	1B	
<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA	<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ml daily); PA	<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 gm daily)
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)	<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ml daily)
CORDRAN TAPE	3	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 30 mail pack lmt day(s)	<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(3.34 ml daily)
<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ml daily)	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	HALOG OINT	3	PA
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B	
			<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
			<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
			<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B	
<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B	
<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>prednicarbate OINT</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide-dimethicone-silicone</i>	1B	PA
Emollients		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 gm daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
Enzymes - Topical		
SANTYL OINT	3	PA
Immunomodulating Agents - Topical		
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
SYNERA PTCH	3	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 gm daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA; RX/OTC
<i>malathion</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>permethrin CREA</i>	1B	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
Wound Care Products		
REGRANEX	3	QL(0.5 gm daily)
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP-K STRP	1B	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B	
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	1B	
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B	
KETONE TEST STRIPS STRP	1B	
KETONE STRP	1B	
KETOSTIX STRP	1B	
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	1B	
PRECISION XTRA	1B	
PTS PANELS KETONE TEST	1B	
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	1B	
RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUETRACK TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes		
Digestive Enzymes		
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
Carbonic Anhydrase Inhibitors		
<i>acetazolamide sodium</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 ea daily); PA
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)
Diuretic Combinations		
<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1B	
Loop Diuretics		
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B	
<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 ea daily)
<i>furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>furosemide TABS</i>	1B	
<i>torseamide TABS</i>	1B	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
<i>spironolactone TABS</i>	1B	
<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>metolazone</i>	1B	QL(2 ea daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
Bone Density Regulators		
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ml daily)
FORTEO SOPN (teriparatide (recombinant))	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 ea daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 ea daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
teriparatide (recombinant) SOPN	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
TERIPARATIDE SOPN	4	QL(0.09 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TYMLOS	4	PA	LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA
XGEVA SOLN	4	SP; PA	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA	SYNAREL	4	SP; PA
Corticotropin			Metabolic Modifiers		
ACTHAR	3	PA	ALDURAZYME	4	SP; PA
Fertility Regulators			<i>betaine</i>	4	SP; PA
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	30 rtl day(s) supply; PA	<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
GnRH/LHRH Antagonists			<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA	<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
ORLISSA	2	PA	<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
Growth Hormone Receptor Antagonists			<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	SP; PA	ELAPRASE	4	SP; PA
Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)			GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA
EGRIFTA 2 MG	4	PA	LUMIZYME	4	SP; PA
EGRIFTA SV	4	PA	MYALEPT	4	PA
Growth Hormones			NAGLAZYME	4	SP; PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA	<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA	<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA	<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
ZORBTIVE SC	4	SP; PA	PHEBURANE PLLT	4	PA
Hormone Receptor Modulators			<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
OSPHENA	3	PA	<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)			<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
INCRELEX	4	SP; PA	Posterior Pituitary Hormones		
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants			<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
FENSOLVI SC	4	SP; PA	<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
STIMATE SOLN NA	4	SP; PA
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 ea daily)
Estrogens		
DELESTROGEN 10 MG/ML (<i>estradiol valerate</i>)	1B	
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	1B	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.286 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS</i>	1B	
ESTROGEL GEL 0.06 % (<i>estradiol</i>)	3	
EVAMIST SOLN	3	
MENEST	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS	2	QL(1 ea daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML</i>	3	
<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1B	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
CIPRO SUSR	2	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
<i>levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
CHOLBAM	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Gallstone Solubilizing Agents			LINZESS	2	QL(1 ea daily)
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)	Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>ursodiol TABS</i>	1B		<i>alvimopan</i>	1B	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators			MOVANTIK	3	QL(1 ea daily); PA
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 ea daily)	Phosphate Binder Agents		
Gastrointestinal Stimulants			<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B		<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ml daily)	<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 ea daily)	PHOSLYRA SOLN	2	
Inflammatory Bowel Agents			<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 ea daily)	<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
DIPENTUM	2		GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS -		
INFLECTRA SOLR	4	PA	Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
<i>mesalamine CP24</i>	1B	PA	Alkalinizers		
<i>mesalamine CPDR</i>	1B		<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG</i>	1B	
<i>mesalamine ENEM</i>	3		<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC
<i>mesalamine SUPP</i>	3		Cystinosis Agents		
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)	CYSTAGON CAPS	3	PA
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3		Genitourinary Irrigants		
RENFLEXIS	4	PA	<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ml daily); PA	<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ml daily); PA	<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B		SORBITOL 3 %	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B		SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1B	
Intestinal Acidifiers			Interstitial Cystitis Agents		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B				
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents					
<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl</i> TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG	1B	
Urinary Stone Agents		
THIOLA EC TBEC 100 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(3 ea daily); PA
THIOLA EC TBEC 300 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(10 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 ea daily); PA
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol</i>	1B	
<i>colchicine</i> TABS	1B	QL(1 ea daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate</i> SOLN	4	QL(9 ml daily); PA
<i>icatibant acetate</i> SOSY	4	QL(9 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Complement Inhibitors		
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 ea daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
BRILINTA	2	QL(2 ea daily)
CABLIVI	4	PA
<i>cilostazol</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dipyridamole</i>	1B	
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
ZONTIVITY	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 ea daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
OXBRYTA TABS 500 MG	4	PA
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin</i> SOLN IJ 1000 MCG/ML	1B	QL(1 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	4	SP
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
DOPTELET	4	QL(3 ea daily); PA
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML	4	PA
MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ZIEXTENZO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
<i>ferrous fumarate-folic acid</i>	1B	QL(1 ea daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
Stem Cell Mobilizers		
MOZOBIL (<i>plerixafor</i>)	4	SP; PA
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS 15 MG, 16.2 MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2 MG, 100 MG</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>triazolam</i>	1B	
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 ea daily)
Orexin Receptor Antagonists		
<i>BELSOMRA</i>	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Saline Laxatives		
<i>OSMOPREP</i>	3	PA
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing		
Local Anesthetics - Amides		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1B	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SOLR</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B		KIMONO PS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B		KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3		KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
Fidaxomicin			KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
DIFICID TABS	2		KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 ea daily)
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES					
Contraceptives					
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	QL(2 ea daily)
CAYA DPRH	0		K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	QL(2 ea daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)	MAXX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
FC2 FEMALE CONDOM	0	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)	PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
FEMCAP DEVI	0		REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 ea daily)
KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)
KIMONO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDDED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(1 ea per 365 days retail); PA
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(1 ea per 365 days retail); PA
TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(1 ea per 365 days retail); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0		ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0		RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0		SELECT INSULIN SYRINGES	1	5/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0		SELECT LANCETS	1B	6.66/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0		SELECT LANCETS	1	6.66/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0		TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1B	
Diabetic Supplies			Parenteral Therapy Supplies		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day	<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches			<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag			<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
AIMOVIG	2	QL(0.04 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
UBRELVY	3	QL(10 ea per 30 days retail); ST	<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
Migraine Combinations			<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 ea daily)	<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 days retail; 10 ea per 30 days mail)	<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
Migraine Products			<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B		<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ml daily)			
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)			
Serotonin Agonists					
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST			
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST			
MINERALS & ELECTROLYTES					
Bicarbonates					
<i>sodium acetate SOLN</i>	1B		<i>potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1B				
Calcium					
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B		POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	1B	
Electrolyte Mixtures					
<i>dextrose in lactated ringers</i>	1B		POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (<i>potassium chloride in nacl</i>)	1B	
<i>electrolyte-148</i>	1B		<i>ringer's</i>	1B	
<i>electrolyte-a</i>	1B		Fluoride		
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	1B		<i>sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1B		Magnesium		
ISOLYTE-S	1B		<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1B	
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1B		Phosphate		
<i>lactated ringer's</i>	1B		<i>potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML</i>	1B	
NORMOSOL-M/D5W	1B		Potassium		
NORMOSOL-R	1B		<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B	
PLASMA-LYTE A (<i>electrolyte-a</i>)	1B		<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B	
PLASMA-LYTE-148 (<i>electrolyte-148</i>)	1B		<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B	
<i>potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>potassium chloride CPR</i>	1B		<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
<i>potassium chloride PACK OR 20 MEQ</i>	1B	PA	ENSPRYNG	4	PA
<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1B		<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 ea daily); SP; PA
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1B		<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ</i>	1B		<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
Sodium			<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1B		NULOJIX	4	SP; PA
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES			PROGRAF PACK	2	PA
Chelating Agents			PROGRAF SOLN	2	
<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA	SIMULECT	3	
<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)	<i>sirolimus TABS</i>	1B	
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 ea daily); SP; PA	<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	
Immunomodulators			THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA	Irrigation Solutions		
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
THALOMID	4	QL(3 ea daily); SP; PA	<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
Immunosuppressive Agents			<i>ringer's irrigation</i>	1B	
ATGAM	4	SP; PA	<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
AZATHIOPRINE	1B		Potassium Removing Agents		
<i>azathioprine TABS</i>	1B		LOKELMA	3	QL(1 ea daily); PA
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B		<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B		<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML</i>	1B	
<i>cyclosporine CAPS</i>	1B		MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
			Anesthetics Topical Oral		
			<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B		MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
Anti-infectives - Throat			NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>clotrimazole</i>	1B		NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B		NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
Antiseptics - Mouth/Throat			NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B		NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
DEBACTEROL	2		ONE VITE WOMENS PRENATAL VITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
Dental Products			ONE VITE WOMENS PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC	PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
Steroids - Mouth/Throat/Dental			PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B		PRENATAL PLUS VITAMIN AND MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
Throat Products - Misc.			PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>cevimeline hcl</i>	1B		PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B		PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)
MULTIVITAMINS			PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
Ped MV w/ Fluoride			PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC	PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
Prenatal Vitamins					
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)			
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 ea daily)			
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)			
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)			
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)			
MASONATAL TABS	2	QL(1 ea daily)			
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PREPLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)
RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
VITATHELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms		
Central Muscle Relaxants		
<i>baclofen TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	
<i>carisoprodol TABS</i>	1B	
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	
Direct Muscle Relaxants		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	RX/OTC
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ml daily)
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal) 0.025 %</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 days retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 ml daily); PA; RX/OTC
<i>triamcinolone acetamide (nasal) AERO</i>	1B	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
NUTRIENTS		
Proteins		
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	3	
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	3	
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	3	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics		
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ml daily)
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
Miotics		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B	
Ophthalmic Adrenergic Agents		
<i>apraclonidine hcl</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B	
IOPIDINE	3	
Ophthalmic Anti-infectives		
AZASITE	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KLARITY-A	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B	
NATACYN	2	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B	
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>trifluridine</i>	1B	
ZIRGAN GEL	2	
Ophthalmic Immunomodulators		
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
Ophthalmic Local Anesthetics		
<i>proparacaine hcl</i>	1B	
Ophthalmic Steroids		
ALREX SUSP (<i>loteprednol etabonate</i>)	3	PA
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ml daily)
<i>difluprednate</i>	1B	PA
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B	
FML FORTE SUSP	3	PA
FML OINT	3	PA
LOTEMAX OINT	3	PA
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA
MAXIDEX SUSP OP	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>neomycin-polymyx-dexameth OINT</i>	1B	
<i>neomycin-polymyx-dexameth SUSP</i>	1B	
<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ml daily)
PRED MILD	3	PA
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIAL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>bromfenac sodium (ophth) 0.09 %</i>	1B	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ml daily); ST
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ml daily); RX/OTC
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	3	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tafluprost</i>	1B	
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ml daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	PA
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetamide</i>	1B	QL(0.5 ea daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetamide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Immune Serums		
GAMMAGARD LIQUID 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	4	PA
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML	4	SP; PA
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GAMMAKED 1 GM/10ML	4	SP; PA
GAMMAKED 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C 1 GM/10ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML, 40 GM/400ML	4	SP; PA
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
PENICILLIN G PROCAINE	3	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B	
<i>ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM</i>	1B	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>naftillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1B	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1B	
<i>disulfiram</i>	1B	
LUCEMYRA	3	QL(224 ea per 14 days retail); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antidementia Agents			AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	AVONEX PSKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	BETASERON KIT	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ml daily)	<i>ingolimid hcl</i>	4	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	3	QL(1 ml daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B		<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	3	QL(0.43 ml daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	KESIMPTA	4	QL(0.0144 ml daily); PA
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B		PLEGRIDY STARTER PACK SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA
Combination Psychotherapeutics			PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B		PLEGRIDY SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 ea daily)	PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
Fibromyalgia Agents			REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; PA	REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 ea daily); PA	REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA
Movement Disorder Drug Therapy			REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
AUSTEDO TABS	4	QL(4 ea daily); PA	<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 ea daily)
INGREZZA CAPS	4	QL(1 ea daily); PA	Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
INGREZZA CPPK	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA	<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA	<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 ea daily); PA
Multiple Sclerosis Agents			Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NUEDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
<i>pimozide</i>	1B	
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0	
<i>nicotine MISC XX</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 ea daily)
NICOTROL INHALER INHA	0	
NICOTROL NS SOLN	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>varenicline tartrate TBPK</i>	0	
Transthyretin Amyloidosis Agents		
TEGSEDI	4	PA
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG	4	QL(2 ea daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRIKAFTA TBPK 100 MG-50 MG	4	QL(3 ea daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 ea daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 ea daily); PA
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Glycylcyclines		
<i>tigecycline</i>	1B	
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1B	
<i>propylthiouracil</i>	1B	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1B	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
NP THYROID 120 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 15 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 30 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 60 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 90 TABS	1B	QL(1 ea daily)
SYNTHROID TABS (<i>levothyroxine sodium</i>)	2	
TOXOIDS		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	
DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC INJ	0	
TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS-ADSORBED ADULT SUSP	0	
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl SOLN OR</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>methscopolamine bromide</i>	1B	
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B	
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML</i>	1A	
<i>famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1B	
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>nizatidine CAPS</i>	1B	
<i>nizatidine SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG</i>	1B	
Misc. Anti-Ulcer		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)	1B	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 ea daily)
Ulcer Therapy Combinations		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 rtl MAX day(s) supply; 365 rtl lmt day(s); 14 mail MAX day(s) supply; 365 mail lmt day(s)
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	
<i>tropium chloride CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tropium chloride TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B	
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
<i>flavoxate hcl</i>	1B	
VACCINES		
Bacterial Vaccines		
ACTHIB SOLR IM	0	
BEXSERO	0	
HIBERIX SOLR IJ	0	
MENACTRA	0	
MENQUADFI	0	
MENVEO SOLR	0	
PEDVAX HIB SUSP	0	
PNEUMOVAX 23	0	
PNEUMOVAX 23/1 DOSE	0	
PREVNAR 13	0	
PREVNAR 20	0	1 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUMENBA	0		ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill
VAXNEUVANCE	0	4 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply	ENGERIX-B SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill
Viral Vaccines			FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
ABRYSVO	0		FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(0.5 ml per fill retail)	FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUARIX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(0.5 ml per fill retail)	FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(0.5 ml per fill retail)	FLUBLOK QUADRIVALENT 2021-2022	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AREXVY	0		FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
COMIRNATY 2023-24 SUSP	0				
COMIRNATY 2023-24 SUSY	0				
COMIRNATY SUSP	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(0.5 ml per fill retail)
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLULAVAL QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(0.5 ml per fill retail)
FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(0.5 ml per fill retail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	0	
GARDASIL 9 SUSP	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	PREHEVBRIO	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
GARDASIL 9 SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	PRIORIX SUSR	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
HAVRIX	0		RECOMBIVAX HB SUSP	0	
HEPLISAV-B SOSY	0	2 rtl MAX fill; 292 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill	RECOMBIVAX HB SUSY	0	
IPOL INACTIVATED IPV	0		ROTARIX SUSP	0	
M-M-R II SOLR	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	ROTARIX SUSR	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	0		ROTATEQ SOLN	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE6-11Y SUSP	0		SHINGRIX	0	2 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply; AL(At least 18 yrs old)
MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	0		TWINRIX SUSY	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	0		VAQTA	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	0		VARIVAX INJ	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0		VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
			Miscellaneous Vaginal Products		
			INTRAROSA	3	QL(1 ea daily); PA
			Spermicides		
			TODAY SPONGE MISC	0	
			Vaginal Anti-infectives		
			<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
			<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GYNAZOLE-1	3	QL(5 gm per 30 days retail; 5 gm per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
FEMRING	3	PA
PREMARIN	2	QL(1.5 gm daily)
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1B	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill; QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail)
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill; QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail)
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; QL(2 ea per fill retail)
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL(0.4 ml daily)
NIACIN TR TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	29	acyclovir CAPS	31	albendazole	7
abacavir sulfate TABS	29	acyclovir SUSP	31	albuterol sulfate AERS	9
abacavir sulfate-lamivudine	29	acyclovir TABS OR	31	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML	9
ABELCET	17	acyclovir topical CREA	39	albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML	9
abiraterone acetate 250 MG	24	acyclovir topical OINT	39	albuterol sulfate SYRP	9
abiraterone acetate 500 MG	24	ADACEL SUSP	62	albuterol sulfate TABS	9
ABRYSCO	64	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	3	alclometasone dipropionate CREA	39
acamprosate calcium	59	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	3	alclometasone dipropionate OINT	39
acarbose	14	adapalene CREA	36	ALDURAZYME	44
acebutolol hcl CAPS	31	adapalene GEL 0.1 %	36	ALECENSA	25
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	adapalene GEL 0.3 %	36	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	43
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	36	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	43
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	ADCETRIS	24	alfuzosin hcl	47
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	adefovir dipivoxil	31	ALINIA SUSR	21
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	ADEMPAS	33	aliskiren fumarate	21
acetazolamide CP12	43	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	62	allopurinol	47
acetazolamide sodium	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSP	64	almotriptan malate 12.5 MG	52
acetazolamide TABS 125 MG	43	AFLURIA QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY	64	almotriptan malate 6.25 MG	52
acetazolamide TABS 250 MG	43	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP	64	ALOCRIL	58
acetic acid (otic)	58	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	64	alogliptin benzoate	15
acetic acid 0.25 %	46	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP	64	alogliptin-metformin hcl	15
acetylcysteine SOLN	36	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	64	alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG	15
acitretin 10 MG, 17.5 MG	38	AIMOVIG	52	alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	15
acitretin 25 MG	38	AIMSCO LUBRICATED MISC	50	ALOMIDE	58
ACTHAR	44	AKYNZEO	17	alose tron hcl	46
ACTHIB SOLR IM	63				
ACTIMMUNE	27				

alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG	8	amlodipine besylate-benazepril hcl 20	TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG- 3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG	1
alprazolam TABS 2 MG	8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	20	
alprazolam TB24	8	amlodipine besylate-valsartan	20	
alprazolam TBDP	8	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide	20	amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG
ALREX SUSP (loteprednol etabonate)	57	amoxapine	14	1
ALTABAX	37	amoxicillin & pot clavulanate CHEW . 59		amphotericin b IV
ALUNBRIG TABS	25	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 59		18
ALUNBRIG TBPk	25	amoxicillin & pot clavulanate TABS 59		amphotericin b liposome
ALVESCO	9	amoxicillin & pot clavulanate TB12 59		18
alvimopan	46	amoxicillin CAPS	59	ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM
amantadine hcl CAPS	28	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG . 59		59
amantadine hcl SOLN	28	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML ... 59		ampicillin CAPS 500 MG
amantadine hcl TABS	28	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML	59	59
ambrisentan	33	amoxicillin TABS	59	ampicillin sodium IV 10 GM
amcinonide CREA	39	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	63	59
amcinonide LOTN	39	amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG	1	anagrelide hcl
amcinonide OINT	39	amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG- 3.75 MG	1	47
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1	24
amiloride & hydrochlorothiazide ...	43	amphetamin-dextroamphetamine		ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR
amiloride hcl TABS	43			7
aminocaproic acid TABS	48			ANNOVERA
aminophylline SOLN	10			35
amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML ...	8			ANORO ELLIPTA
amiodarone hcl TABS	8			9
amitriptyline hcl TABS	14			ANZEMET TABS 50 MG
amlodipine besylate TABS	32			17
amlodipine besylate-atorvastatin calcium	33			APIDRA SOLN
				16
				APIDRA SOLOSTAR SOPN
				16
				apomorphine hydrochloride SOCT 28
				apraclonidine hcl
				57
				aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG . 17
				aprepitant CAPS 80 MG
				17
				aprepitant CAPS
				17
				aprepitant MISC
				17
				APTiom
				11
				APTIVUS CAPS
				29

ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	48	ATGAM	54	aztreonam 1 GM	22
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	48	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	1	bacitracin (ophthalmic)	57
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ...	48	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG	1	bacitracin	21
ARCALYST	3	atorvastatin calcium TABS	19	baclofen TABS 10 MG, 20 MG	56
AREXVY	64	atovaquone	21	BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron)	34
arformoterol tartrate	9	atovaquone-proguanil hcl	22	balsalazide disodium CAPS	46
ARIKAYCE	2	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML	62	BALVERSA	25
aripiprazole SOLN OR	29	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	62	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 11	
aripiprazole TABS	29	ATROVENT HFA	8	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 11	
armodafinil	1	AUSTEDO TABS	60	BARACLUDE SOLN	31
ARMOUR THYROID TABS	62	AVONEX PEN AJKT	60	BASAGLAR KWIKPEN SOPN	16
ARNUITY ELLIPTA	9	AVONEX PSKT	60	BAXDELA SOLR	45
arsenic trioxide 10 MG/10ML	27	AYVAKIT	25	BAXDELA TABS	45
ARZERRA	24	azacitidine SUSR	23	BELSOMRA	49
ascorbic acid SOLN IJ	67	AZASITE	57	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	20
asenapine maleate 2.5 MG	29	AZATHIOPRINE	54	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	20
asenapine maleate 5 MG, 10 MG .	29	azathioprine TABS	54	benazepril hcl	19
aspirin CHEW	4	azelaic acid GEL	41	bendamustine hcl SOLR	23
aspirin TABS 325 MG	4	azelastine hcl (ophth)	58	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 36	
aspirin TBEC 325 MG	4	azelastine hcl	56	benzonatate 100 MG	36
aspirin TBEC 81 MG	4	AZELEX	36	benzonatate 150 MG	36
aspirin-dipyridamole	47	azithromycin PACK	49	benzonatate 200 MG	36
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG	29	azithromycin SOLR	49	benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	36
atazanavir sulfate CAPS 200 MG .	29	azithromycin SUSR	49	benzoyl peroxide GEL 10 %	36
atenolol & chlorthalidone	20	azithromycin TABS 250 MG	49	benzoyl peroxide GEL 5 %	36
atenolol TABS	31	azithromycin TABS 500 MG	49		
		azithromycin TABS 600 MG	49		

benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %	37	bicalutamide	24	MG	28
benzoyl peroxide-erythromycin GEL . 36		BIKTARVY	30	BRUKINSA	26
benztropine mesylate SOLN	28	bimatoprost SOLN	58	budesonide (inhalation) SUSP	9
benztropine mesylate TABS	28	bisacodyl SUPP	49	budesonide (intrarectal)	7
bepotastine besilate	58	bisacodyl TBEC	49	budesonide (nasal)	56
betaine	44	bisoprolol & hydrochlorothiazide ..	20	budesonide CPEP	35
betamethasone dipropionate (topical) CREA	39	bisoprolol fumarate	32	budesonide-formoterol fumarate dihydrate	9
betamethasone dipropionate (topical) LOTN	39	bleomycin sulfate 15 UNIT	25	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...	43
betamethasone dipropionate (topical) OINT	39	BOOSTRIX SUSP	62	bumetanide TABS	43
betamethasone dipropionate augmented CREA	39	BOOSTRIX SUSY	62	buprenorphine hcl SOLN	6
betamethasone dipropionate augmented LOTN	39	bortezomib SOLR IJ	25	buprenorphine hcl SUBL	6
betamethasone dipropionate augmented OINT	39	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..	26	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG	6
betamethasone valerate CREA ...	39	bosentan TABS 125 MG	33	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG	6
betamethasone valerate FOAM ...	40	bosentan TABS 62.5 MG	33	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	6
betamethasone valerate LOTN	40	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	26	buprenorphine PTWK	6
betamethasone valerate OINT	40	BOSULIF TABS 400 MG	26	bupropion hcl (smoking deterrent)	61
BETASERON KIT	60	BRAFTOVI 75 MG	26	bupropion hcl TABS	13
betaxolol hcl (ophth) SOLN	57	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate-vilanterol)	9	bupropion hcl TB12 100 MG	13
betaxolol hcl	31	BREO ELLIPTA	9	bupropion hcl TB12 150 MG	13
bethanechol chloride 25 MG	63	BREZTRI AEROSPHERE	9	bupropion hcl TB12 200 MG	13
bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG	63	BRILINTA	47	bupropion hcl TB24 150 MG	13
bexarotene (topical)	38	brimonidine tartrate (topical)	41	bupropion hcl TB24 300 MG	13
bexarotene	27	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %	57	buspirone hcl 5 MG	7
BEXSERO	63	brimonidine tartrate-timolol maleate . 57		buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG	7
		BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML ..	11	busulfan SOLN	23
		BRIVIACT TABS	11	butalbital-acetaminophen TABS 50	
		bromfenac sodium (ophth) 0.09 %	58		
		bromocriptine mesylate CAPS	28		
		bromocriptine mesylate TABS 2.5			

MG-325 MG	4	calcium acetate (phosphate binder) CAPS	46	carboplatin SOLN 50 MG/5ML	23
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	4	calcium acetate (phosphate binder) TABS	46	carisoprodol TABS	56
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	4	calcium chloride (dihydrate) SOLN	53	carmustine	23
butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG	4	calcium polycarbophil TABS	49	carteolol hcl (ophth)	57
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	6	CALQUENCE	26	carvedilol	31
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	6	candesartan cilexetil	20	carvedilol phosphate	31
butalbital-aspirin-caffeine CAPS	4	candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide	20	casprofungin acetate	17
butalbital-aspirin-caffeine w/cod	6	CAPASTAT SULFATE	23	CAYA DPRH	50
butenafine hcl	37	capecitabine	23	CAYSTON	22
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	6	CAPRELSA	26	cefaclor CAPS	34
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML .	6	captopril 12.5 MG	19	cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML	34
cabergoline	45	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG .	19	cefadroxil CAPS	34
CABLIVI	47	carbamazepine CHEW	11	cefadroxil SUSR	34
CABOMETYX TABS	26	carbamazepine CP12 100 MG	11	cefadroxil TABS	34
calcipotriene CREA	39	carbamazepine CP12 200 MG	11	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	34
calcipotriene OINT	39	carbamazepine CP12 300 MG	11	cefdinir CAPS	34
calcipotriene SOLN	39	carbamazepine CP12 300 MG	11	cefdinir SUSR	34
calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT	40	carbamazepine SUSP	11	cefepime hcl SOLR IV 2 GM	34
calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP	40	carbamazepine TABS	11	cefixime CAPS	34
calcitonin (salmon) NA	43	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	11	cefixime SUSR	34
calcitriol (topical)	39	carbamazepine TB12 200 MG	11	cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM	34
calcitriol CAPS	44	carbidopa	28	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	34
calcitriol SOLN IV	44	carbidopa-levodopa TABS	28	cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ...	34
		carbidopa-levodopa TBCR	28	cefpodoxime proxetil SUSR	34
		carbidopa-levodopa TBCR	28	cefpodoxime proxetil TABS	34
		carbidopa-levodopa-entacapone .	28	cefprozil SUSR	34
		carbinoxamine maleate SOLN	18	cefprozil TABS	34
		carbinoxamine maleate TABS 4 MG .	18	ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	34
				ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM,	

500 MG	34	MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT	67	cisplatin SOLN 100 MG/100ML	23
ceftriaxone sodium IJ 250 MG	34	cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT	67	citalopram hydrobromide SOLN ...	13
cefuroxime axetil TABS	34	cholestyramine light PACK	19	citalopram hydrobromide TABS 10 MG	13
cefuroxime sodium IJ 750 MG	34	cholestyramine light POWD	19	citalopram hydrobromide TABS 20 MG	13
celecoxib	3	cholestyramine PACK	19	citalopram hydrobromide TABS 40 MG	13
CELONTIN (methsuximide)	13	cholestyramine POWD	19	clarithromycin SUSR	49
cephalexin CAPS	34	choline fenofibrate	19	clarithromycin TABS	49
cephalexin SUSR	34	CHORIONIC GONADOTROPIN IM 44		clarithromycin TB24	49
CERDELGA	47	ciclopirox GEL	37	CLASSIC PRENATAL TABS	55
CEREZYME 400 UNIT	47	ciclopirox olamine CREA	37	clemastine fumarate SYRP	18
cetirizine hcl TABS	18	ciclopirox olamine SUSP	37	clemastine fumarate TABS 2.68 MG . 18	
cevimeline hcl	55	ciclopirox SHAM	37	CLIMARA PRO	45
CHEMET	16	ciclopirox SOLN	37	clindamycin hcl	22
CHEMSTRIP-K STRP	42	cidofovir	31	clindamycin palmitate hydrochloride . 22	
chloramphenicol sodium succinate 21		cilostazol	47	clindamycin phosphate (topical) FOAM	37
chlordiazepoxide hcl CAPS	8	CIMDUO	30	clindamycin phosphate (topical) GEL 37	
chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide	62	cimetidine TABS	62	clindamycin phosphate (topical) LOTN	37
chlordiazepoxide-amitriptyline	60	cinacalcet hcl	44	clindamycin phosphate (topical) SOLN	37
chlorhexidine gluconate (mouth- throat)	55	CIPRO SUSR	45	clindamycin phosphate (topical) SWAB	37
chloroquine phosphate TABS 250 MG	22	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	57	clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML	22
chloroquine phosphate TABS 500 MG	22	ciprofloxacin hcl (otic)	58	clindamycin phosphate vaginal CREA	66
chlorpromazine hcl SOLN	29	ciprofloxacin hcl TABS	45		
chlorpromazine hcl TABS	29	ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML	45		
chlorthalidone 25 MG, 50 MG	43	ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML	45		
chlorzoxazone TABS 500 MG	56	ciprofloxacin-dexamethasone	58		
CHOLBAM	45	ciprofloxacin-fluocinolone acetone . 58			
cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25					

clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	37	clotrimazole (topical) SOLN	38	CORLANOR TABS	33
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %	37	clotrimazole	55	CORTISPORIN-TC	58
clindamycin phosphate-tretinoin ..	37	clotrimazole vaginal CREA 1 % ...	66	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	39
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10% 56		clotrimazole w/ betamethasone CREA	38	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	39
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5% 56		clotrimazole w/ betamethasone LOTN	38	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	39
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20% 56		clozapine TABS	29	COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	39
clobazam SUSP	11	clozapine TBDP 100 MG	29	CREON CPEP	42
clobazam TABS	11	clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG 29		CRESEMBA CAPS 186 MG	18
clobetasol propionate CREA 0.05 % .	40	clozapine TBDP 25 MG	29	cromolyn sodium (ophth)	58
clobetasol propionate emollient base 0.05 %	40	COARTEM	22	cromolyn sodium NEBU	8
clobetasol propionate FOAM	40	codeine sulfate TABS 30 MG	4	crotamiton LOTN	41
clobetasol propionate GEL 0.05 % 40		CODEINE SULFATE TABS	5	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	55
clobetasol propionate OINT 0.05 % 40		colchicine TABS	47	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML	47
clobetasol propionate SOLN 0.05 % .	40	colchicine w/ probenecid	47	cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG	56
clocortolone pivalate	40	colesevelam hcl PACK	19	cyclophosphamide CAPS	23
clofarabine	23	colesevelam hcl TABS	19	cyclophosphamide SOLR IJ	23
clomipramine hcl	14	colestipol hcl GRAN	19	cycloserine	23
clonazepam TABS	11	colestipol hcl PACK	19	cyclosporine (ophth) EMUL	57
clonidine	20	colestipol hcl TABS	19	cyclosporine CAPS	54
clonidine hcl (adhd) TB12	1	COMETRIQ KIT	26	cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS	54
clonidine hcl TABS	20	COMIRNATY 2023-24 SUSP	64	cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN	54
clopidogrel bisulfate 300 MG	47	COMIRNATY 2023-24 SUSY	64	cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .	54
clopidogrel bisulfate 75 MG	47	COMIRNATY SUSP	64	CYLTEZO AJKT	3
clorazepate dipotassium TABS	8	COMPLERA	30	CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML	3
clotrimazole (topical) CREA	38	CONTRAVE	1	CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40	

MG/0.8ML	3	deflazacort TABS	35	desvenlafaxine succinate 100 MG .	14
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	3	DELESTROGEN 10 MG/ML (estradiol valerate)	45	desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG	14
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	3	DELSTRIGO	30	dexamethasone ELIX	35
cyproheptadine hcl SYRP	18	demeclocycline hcl TABS	61	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	35
cyproheptadine hcl TABS	18	DEPO-ESTRADIOL	45	dexamethasone sodium phosphate (ophth)	57
CYSTAGON CAPS	46	DEPO-MEDROL SUSP	35	dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML	35
CYSTARAN	58	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	35	dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML	35
cytarabine SOLN	23	desipramine hcl TABS	14	dexamethasone SOLN	35
dabigatran etexilate mesylate CAPS . 11		desloratadine TABS	18	dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML	35
dacarbazine SOLR 200 MG	27	desloratadine TBDP 2.5 MG	18	dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG	35
dactinomycin	25	desmopressin acetate SOLN IJ ...	45	dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG	35
dalfampridine	60	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	45	dexchlorpheniramine maleate SOLN . 18	
danazol CAPS	7	desmopressin acetate spray	44	dexlansoprazole	63
dantrolene sodium CAPS	56	desmopressin acetate spray refrigerated	44	dexmethylphenidate hcl CP24	1
dapsone	22	desmopressin acetate TABS 0.1 MG 45		dexmethylphenidate hcl TABS	1
DAPTACEL	62	desmopressin acetate TABS 0.2 MG 45		dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG	1
daptomycin 500 MG	21	desogestrel & ethinyl estradiol ...	34	dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG	1
darifenacin hydrobromide	63	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)	34	dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG	1
darunavir TABS 600 MG	30	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)	34	dextrose in lactated ringers	53
darunavir TABS 800 MG	30	desonide CREA	40	DIACOMIT CAPS	12
DAURISMO	24	desonide LOTN	40	DIACOMIT PACK 250 MG	12
DEBACTEROL	55	desonide OINT	40	DIACOMIT PACK 500 MG	12
decitabine	23	desoximetasone CREA 0.25 % ...	40	diazepam (anticonvulsant) GEL ...	11
deferasirox PACK	16	desoximetasone GEL	40		
deferasirox TABS	17	desoximetasone OINT 0.25 %	40		
deferasirox TBSO	17				
deferiprone TABS 500 MG	17				

diazepam CONC	8	NA 4 MG/ML	52	DIPHtheria/TETANUS TOXoids	
diazepam SOLN OR 5 MG/5ML	8	DILANTIN (phenytoin sodium		ADSORBED PEDIATRIC SUSP ...	62
diazepam TABS	8	extended)	12	dipyridamole	47
diazoxide	15	DILANTIN	12	disopyramide phosphate CAPS	8
dichlorphenamide	43	DILANTIN INFATABS CHEW		disulfiram	59
diclofenac epolamine PTCH EX ...	38	(phenytoin)	12	divalproex sodium TB24	13
diclofenac potassium TABS 50 MG .	3	DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) .	12	divalproex sodium TBEC	13
diclofenac sodium (actinic keratoses)		diltiazem hcl coated beads CP24 120		docetaxel CONC 20 MG/ML	27
EX	38	MG, 300 MG, 360 MG	32	docetaxel SOLN 20 MG/2ML	27
diclofenac sodium (ophth)	58	diltiazem hcl coated beads CP24 180		docosate calcium	49
diclofenac sodium (topical) GEL EX		MG, 240 MG	32	docosate sodium CAPS 100 MG ..	49
38		diltiazem hcl CP12	32	docosate sodium CAPS 250 MG ..	49
diclofenac sodium TB24	3	diltiazem hcl CP24	32	dofetilide	8
diclofenac sodium TBEC	3	diltiazem hcl extended release beads		donepezil hydrochloride TABS 10	
diclofenac w/ misoprostol TBEC	3	120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG,		MG	60
dicloxacillin sodium	59	360 MG	32	donepezil hydrochloride TABS 5 MG .	
dicyclomine hcl CAPS	62	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..	32	60	
dicyclomine hcl SOLN OR	62	DILTIAZEM HCL SOLR	32	donepezil hydrochloride TBDP 10	
dicyclomine hcl TABS	62	diltiazem hcl TABS	32	MG	60
DIFFERIN LOTN	37	diltiazem hcl TB24	32	donepezil hydrochloride TBDP 5 MG	
DIFICID TABS	50	dimethyl fumarate CDPK	60	60	
diflorasone diacetate CREA	40	dimethyl fumarate CPDR	60	DOPTELET	48
diflorasone diacetate OINT	40	DIPENTUM	46	dorzolamide hcl	58
diflunisal TABS	4	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG		dorzolamide hcl-timolol maleate ..	57
difluprednate	57	18		DOVATO	30
digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML	32	diphenhydramine hcl ELIX 12.5		doxazosin mesylate	20
digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG,		MG/5ML	18	doxepin hcl (antipruritic)	38
0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250		diphenhydramine hcl LIQD 12.5		doxepin hcl (sleep)	48
MCG	33	MG/5ML	18	doxepin hcl CAPS	14
dihydroergotamine mesylate SOLN IJ		diphenhydramine hcl SOLN 50		doxepin hcl CONC	14
1 MG/ML	52	MG/ML	18	doxercalciferol CAPS	44
dihydroergotamine mesylate SOLN		diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	16	doxercalciferol SOLN	44

doxorubicin hcl liposomal	25	efavirenz CAPS 200 MG	30	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	30
doxorubicin hcl SOLN	25	efavirenz CAPS 50 MG	30	EMTRIVA SOLN	30
doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG	25	efavirenz TABS	30	EMVERM CHEW	7
doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG	61	efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	30	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20	
doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG	61	efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate	30	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20	
doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG	61	EGRIFTA 2 MG	44	enalapril maleate TABS	19
doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG	61	EGRIFTA SV	44	ENBREL MINI SOCT	4
doxycycline hyclate CAPS	61	ELAPRASE	44	ENBREL SOLN	4
doxycycline hyclate SOLR	61	electrolyte-148	53	ENBREL SOLR	4
doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	61	electrolyte-a	53	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4
doxylamine-pyridoxine TBEC	17	ELESTRIN GEL	45	ENBREL SOSY 50 MG/ML	4
dronabinol CAPS	17	eletriptan hydrobromide	52	ENBREL SURECLICK SOAJ	4
drospirenone-ethinyl estradiol	34	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	24	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	64
drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium	34	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	24	ENGERIX-B SUSY	64
DROXIA CAPS	47	ELIQUIS STARTER PACK TBPK	10	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	10
DUAVEE	45	ELIQUIS TABS	10	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	10
DULERA	10	ELLA	35	enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	10
duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG	14	ELMIRON CAPS	47	enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	10
duloxetine hcl CPEP 40 MG	14	EMCYT	24	enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	10
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	50	EMFLAZA SUSP	35	enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	10
dutasteride	47	EMFLAZA TABS (deflazacort)	35	ENSPRYNG	54
econazole nitrate CREA	38	EMGALITY SOAJ	52	entacapone	28
EDARBI	20	EMGALITY SOSY 100 MG/ML	52	entecavir TABS	31
EDURANT	30	EMGALITY SOSY 120 MG/ML	52		
		EMSAM	13		
		emtricitabine CAPS	30		
		emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG	30		

EPIDIOLEX	12	erythromycin base TABS	49	etodolac CAPS	3
epinastine hcl (ophth)	58	erythromycin base TBEC	50	etodolac TABS	3
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML	67	erythromycin ethylsuccinate SUSR 50		etonogestrel-ethinyl estradiol	35
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML	67	erythromycin ethylsuccinate TABS	50	ETOPOPHOS	27
EPIVIR HBV SOLN	31	escitalopram oxalate SOLN	13	etoposide CAPS	27
eplerenone	21	escitalopram oxalate TABS 10 MG 13		etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	27
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	48	escitalopram oxalate TABS 20 MG 13		etravirine 100 MG	30
epoprostenol sodium	33	escitalopram oxalate TABS 5 MG .	13	etravirine 200 MG	30
EQL PRENATAL FORMULA TABS 55		esomeprazole magnesium CPDR 20 MG	63	EUCRISA	41
EQUETRO	28	esomeprazole magnesium CPDR 40 MG	63	EVAMIST SOLN	45
ERAXIS	17	esomeprazole magnesium TBEC .	63	everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	54
ERBITUX	24	estazolam	48	everolimus TABS	26
ergocalciferol CAPS	67	estradiol GEL	45	EVOTAZ	30
ergocalciferol SOLN OR	67	estradiol PTTW	45	exemestane	25
ergoloid mesylates TABS	61	estradiol PTWK	45	ezetimibe	19
ERGOMAR SUBL	52	estradiol TABS	45	ezetimibe-simvastatin	18
ergotamine w/ caffeine TABS	52	estradiol vaginal CREA	67	famciclovir 125 MG, 250 MG	31
ERIVEDGE	24	estradiol vaginal TABS	67	famciclovir 500 MG	31
ERLEADA 240 MG	24	estradiol valerate	45	famotidine in nacl SOLN	62
ERLEADA 60 MG	25	ESTROGEL GEL 0.06 % (estradiol) 45		famotidine SOLN 20 MG/2ML	62
erlotinib hcl	24	eszopiclone	48	famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML	62
ERTACZO	38	ethacrynic acid	43	famotidine SUSR	62
ertapenem sodium IJ	21	ethambutol hcl TABS	23	famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	62
erythromycin (acne aid) PADS	37	ethosuximide CAPS	13	FANAPT	28
erythromycin (acne aid) SOLN	37	ethosuximide SOLN	13	FANAPT TITRATION PACK	28
erythromycin (ophth)	57	ethynodiol diacet & eth estrad	34	FANTASY LUBRICATED MISC ...	50
erythromycin base CPEP	49			FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 50	

FARXIGA	16	FIRDAPSE	23	fluconazole SUSR	18
FASENRA PEN SOAJ	8	FIRMAGON	25	fluconazole TABS	18
FASENRA SOSY	8	flavoxate hcl	63	flucytosine	18
FC2 FEMALE CONDOM	50	flecainide acetate	8	fludarabine phosphate SOLN	23
febuxostat	47	floxuridine	23	fludarabine phosphate SOLR	23
felbamate SUSP	12	FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022	64	fludrocortisone acetate TABS	36
felbamate TABS 400 MG	12	FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	65
felbamate TABS 600 MG	12	FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	65
felodipine	32	FLUARIX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65
FEMCAP DEVI	50	FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	64	FLUMIST QUADRIVALENT	65
FEMRING	67	FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	64	flunisolide (nasal) 0.025 %	56
fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG	19	FLUBLOK QUADRIVALENT 2021-2022	64	fluocinolone acetonide (otic)	58
fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	64	fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 40	40
fenoprofen calcium TABS	3	FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	64	fluocinolone acetonide CREA 0.025 %	40
FENSOLVI SC	44	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	64	fluocinolone acetonide OIL	40
fentanyl citrate LPOP	5	FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	64	fluocinolone acetonide OINT	40
fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	5	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	65	fluocinolone acetonide SOLN	40
ferrous fumarate-folic acid	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	65	fluocinonide CREA 0.05 %	40
ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML ..	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	65	fluocinonide emulsified base	40
ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	65	fluocinonide GEL	40
ferrous sulfate TBEC 325 MG	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	65	fluocinonide OINT	40
fesoterodine fumarate	63	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	65	fluocinonide SOLN	40
FETZIMA CP24	14	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65	fluorometholone (ophth) SUSP	57
FETZIMA TITRATION PACK C4PK 14	14	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65	fluorouracil (topical) CREA 5 %	38
finasteride	47	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65	fluorouracil (topical) SOLN	38
fingolimod hcl	60	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65	fluorouracil 500 MG/10ML	23
				fluoxetine hcl CAPS 10 MG	13

fluoxetine hcl CAPS 20 MG	13	fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...	19	STRIPS	42
fluoxetine hcl CAPS 40 MG	13	fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...	19	FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT ..	42
fluoxetine hcl CPDR	13	fluvoxamine maleate TABS 100 MG . 14		formoterol fumarate NEBU	10
fluoxetine hcl SOLN	14	fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG	14	FORTEO SOPN (teriparatide (recombinant))	43
fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG 14		FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021- 2022	65	FOSAMAX PLUS D	43
fluoxetine hcl TABS 20 MG	14	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022- 2023	65	fosamprenavir calcium TABS	30
fluphenazine hcl CONC	29	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023- 2024	65	fosfomycin tromethamine	22
fluphenazine hcl ELIX	29	FLUZONE QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSP	65	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide	20
fluphenazine hcl SOLN	29	FLUZONE QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY	65	fosinopril sodium	19
fluphenazine hcl TABS	29	FLUZONE QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSP	65	fosphenytoin sodium	12
flurandrenolide CREA	40	FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP	65	FRAGMIN SOSY	11
flurandrenolide LOTN	40	FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	65	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	51
flurazepam hcl	48	FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP	65	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	51
flurbiprofen sodium	58	FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP	65	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
flurbiprofen TABS	3	FML FORTE SUSP	57	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
flutamide	25	FML OINT	57	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
fluticasone furoate-vilanterol	10	folinic acid TABS	48	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
fluticasone propionate (inhalation) AEPB	9	fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11		FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	51
fluticasone propionate (nasal) SUSP . 56		fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 11		frovatriptan succinate	52
fluticasone propionate CREA 0.05 % 40		fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .11			
fluticasone propionate hfa	9	fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 11			
fluticasone propionate LOTN	40	FORA GTEL BLOOD KETONE TEST			
fluticasone propionate OINT	40				
fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT	10				
fluticasone-salmeterol AERO	10				

fulvestrant SOSY	25	ganciclovir sodium SOLR	31	glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG	15
furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML	43	ganirelix acetate	44	GLUCAGEN DIAGNOSTIC	42
furosemide TABS	43	GARDASIL 9 SUSP	66	glucagon (rdna)	15
FUZEON SOLR	30	GARDASIL 9 SUSY	66	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG	16
FYCOMPA TABS 2 MG	11	gatifloxacin (ophth)	57	glyburide TABS	16
FYCOMPA TABS 4 MG	11	gefitinib	24	glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG	15
FYCOMPA TABS 6 MG	11	gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG	23	glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG	15
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	11	gemfibrozil TABS	19	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..	46
gabapentin CAPS	12	gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %	2	glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML	62
gabapentin SOLN	12	gentamicin sulfate (ophth) OINT ..	57	glycopyrrolate TABS 1 MG	62
gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12		gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..	57	glycopyrrolate TABS 2 MG	62
GALAFOLD	44	gentamicin sulfate (topical) CREA ..	37	GLYXAMBI	15
galantamine hydrobromide CP24 ..	60	gentamicin sulfate (topical) OINT ..	37	GNP PRENATAL TABS	55
galantamine hydrobromide SOLN ..	60	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML	2	GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	42
galantamine hydrobromide TABS ..	60	GENVOYA	30	granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML ..	17
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML 58		GILOTRIF	24	granisetron hcl TABS	17
GAMMAGARD LIQUID 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	58	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML ..	60	GRASTEK SUBL	2
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	58	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML ..	60	griseofulvin microsize SUSP	18
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	58	GLEOSTINE 10 MG	23	griseofulvin microsize TABS	18
GAMMAKED 1 GM/10ML	59	GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	23	griseofulvin ultramicrosize	18
GAMMAKED 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	59	glimepiride 1 MG, 2 MG	16	guanfacine hcl (adhd)	1
GAMUNEX-C 1 GM/10ML	59	glimepiride 4 MG	16	guanfacine hcl	20
GAMUNEX-C 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML, 40 GM/400ML	59	glipizide TABS 5 MG, 10 MG	16	GYNAZOLE-1	67
		glipizide TB24	16	HADLIMA PUSH TOUCH SOAJ	3
		glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG	15	HADLIMA SOSY	3
				HAEGARDA SOLR SC	47

HALAVEN	27	(CONCENTRATED) SOLN SC	16	hydrocortisone acetate (rectal)	7
halcinonide CREA	40	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN		hydrocortisone butyrate CREA	40
halobetasol propionate CREA	40	SC	16	hydrocortisone butyrate OINT	40
halobetasol propionate OINT	40	HYCANTIN CAPS	27	hydrocortisone butyrate SOLN	41
HALOG OINT	40	hydralazine hcl SOLN	21	hydrocortisone TABS	35
haloperidol decanoate	29	hydralazine hcl TABS	21	hydrocortisone vaginal	67
haloperidol lactate CONC	29	hydrochlorothiazide CAPS	43	hydrocortisone valerate CREA	41
haloperidol lactate SOLN	29	hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG		hydrocortisone valerate OINT	41
haloperidol TABS	29	43		hydrocortisone w/acetic acid	58
HAVRIX	66	hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50		hydromorphone hcl LIQD	5
HEMANGEOL SOLN OR	32	MG	43	hydromorphone hcl SOLN IJ 10	
heparin sodium (porcine) SOLN IJ		hydrocodone polistirex-		MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML .	
5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML,		chlorpheniramine polistirex SUER .	36	5	
20000 UNIT/ML	11	hydrocodone-acetaminophen SOLN		hydromorphone hcl TABS	5
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45%		108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217		hydromorphone hcl TB24 32 MG ...	5
SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML		MG/10ML-5 MG/10ML, 325		hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12	
11		MG/15ML-7.5 MG/15ML	6	MG, 16 MG	5
HEPLISAV-B SOSY	66	hydrocodone-acetaminophen TABS		hydroxychloroquine sulfate 200 MG	
HIBERIX SOLR IJ	63	300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300		22	
HUMATROPE CART IJ	44	MG-7.5 MG	6	hydroxyurea	27
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS		hydrocodone-acetaminophen TABS		hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ..	7
DISEASE STARTER PACK PSKT 80		325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325		hydroxyzine hcl SYRP	8
MG/0.8ML	3	MG-7.5 MG	6	hydroxyzine hcl TABS	8
HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML .	3	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200		hydroxyzine pamoate CAPS	8
HUMIRA PEN PNKT	3	MG, 5 MG-200 MG	6	HYPERSAL NEBU	36
HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER		hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200		HYQVIA	59
PNKT	3	MG	6	ibandronate sodium SOLN	43
HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC		hydrocortisone (intrarectal)	7	ibandronate sodium TABS	43
STARTER PACK PNKT	3	hydrocortisone (rectal) EX	7	IBRANCE CAPS	26
HUMIRA PEN-PS/UV STARTER		hydrocortisone (topical) CREA 1 %,		IBRANCE TABS	26
PNKT	3	2.5 %	40	ibuprofen SUSP 100 MG/5ML	3
HUMIRA PSKT	3	hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % .			
HUMULIN R U-500		40			
		hydrocortisone (topical) OINT 1 %,			
		2.5 %	40		

ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG .. 3	INGREZZA CPPK 60	MG/5ML 28
ibuprofen TABS 800 MG 3	INLYTA 24	irrigation solutions, physiological .. 54
icatibant acetate SOLN 47	INREBIC 26	ISENTRESS CHEW 30
icatibant acetate SOSY 47	INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN . 16	ISENTRESS HD TABS 30
ICLUSIG 26	INSULIN ASPART PENFILL SOCT 16	ISENTRESS TABS 30
icosapent ethyl 1 GM 19	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN 16	ISOLYTE-P/DEXTROSE 5% 53
idarubicin hcl 20 MG/20ML 25	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP 16	ISOLYTE-S 53
idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML 25	INSULIN ASPART SOLN IJ 16	isoniazid SOLN 23
ifosfamide SOLN 1 GM/20ML 23	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN 16	isoniazid SYRP 23
ifosfamide SOLR 23	INSULIN DEGLUDEC SOLN 16	isoniazid TABS 23
imatinib mesylate 26	INTELENCE 25 MG 30	isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG 7
IMBRUVICA CAPS 140 MG 26	INTRAROSA 66	isosorbide dinitrate-hydralazine hcl 33
IMBRUVICA CAPS 70 MG 26	INTRON A SOLR 18000000 UNIT 27	isosorbide mononitrate TABS 7
IMBRUVICA SUSP 26	IONOSOL-MB/DEXTROSE 5% .. 53	isosorbide mononitrate TB24 7
IMBRUVICA TABS 26	IOPIDINE 57	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG 37
imipenem-cilastatin IV 21	IPOL INACTIVATED IPV 66	isradipine CAPS 32
imipramine hcl TABS 14	ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 56	itraconazole CAPS 18
imipramine pamoate 14	ipratropium bromide (nasal) 0.06 % 56	itraconazole SOLN 18
imiquimod 5 % 41	ipratropium bromide SOLN 0.02 % . 8	ivermectin (pediculicide) 41
IMPAVIDO 21	ipratropium-albuterol SOLN 10	ivermectin 7
INCRELEX 44	irbesartan 20	IXEMPRA KIT 15 MG 27
INCRUSE ELLIPTA 8	irbesartan-hydrochlorothiazide ... 20	JAKAFI 26
indapamide TABS 1.25 MG 43	IRESSA (gefitinib) 24	JANUMET TABS 15
indapamide TABS 2.5 MG 43	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100	JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG 15
indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG 4		JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG 15
indomethacin CPCR 4		JANUVIA 15
INFANRIX 62		JARDIANCE 16
INFLECTRA SOLR 46		
INGREZZA CAPS 60		

JEVTANA	27	KIMONO PLUS	lacosamide TABS	12
JULUCA	30	SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	lactated ringer's (irrigation)	54
KALYDECO TABS	61	50	lactated ringer's	53
KAMELEON LUBRICATED MISC	50	KIMONO PS LUBRICATED MISC	50	lactic acid (ammonium lactate) CREA
KANJINTI	24	KIMONO PS PLUS	41
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9%		SPERMICIDE/LUBRICATED MISC		lactic acid (ammonium lactate) LOTN
(potassium chloride in dextrose &		50		12 %
sodium chloride)	53	KIMONO SENSATION		41
KEPIVANCE 6.25 MG	27	LUBRICATED MISC	50	lactulose (encephalopathy)
KESIMPTA	60	KIMONO SENSATION PLUS		46
ketoconazole (topical) CREA	38	SPERMICIDE LUBRICATED MISC		lactulose SOLN
ketoconazole (topical) SHAM 2 %	38	50		49
ketoconazole	18	KIMONO SPECIAL DEVI	50	LAMICTAL TABS 150 MG, 200 MG
KETONE STRP	42	KINRIX SUSY	62	(lamotrigine)
KETONE TEST STRIPS STRP	42	KISQALI	26	12
ketoprofen CAPS 50 MG	4	KISQALI FEMARA 200 DOSE	25	lamivudine (hbv) TABS
ketorolac tromethamine (ophth)	58	KISQALI FEMARA 400 DOSE	25	31
ketorolac tromethamine TABS	4	KISQALI FEMARA 600 DOSE	25	lamivudine SOLN
KETOSTIX STRP	42	KLARITY-A	57	30
ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %		KLOXXADO LIQD	17	lamivudine TABS 150 MG
58		KOSELUGO	26	30
KEVZARA SOAJ	3	KP PRENATAL MULTIVITAMINS		lamivudine-zidovudine
KEVZARA SOSY	3	TABS	55	30
KIMONO COLORS DEVI	50	KRINTAFEL	22	lamotrigine CHEW 25 MG
KIMONO LUBRICATED MISC	50	K-Y ME & YOU EXTRA		12
KIMONO MAXX/LARGE FLARE		LUBRICATED DEVI	50	12
MISC	50	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	50	lamotrigine TABS
KIMONO MICRO THIN PLUS		KYPROLIS	26	12
SPERMICIDE LUBRICATED MISC		labetalol hcl SOLN	31	lamotrigine TBDP
50		labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG .		12
KIMONO PLUS SPERMICIDE		31		LANOXIN SOLN IJ (digoxin)
LUBRICATED MISC	50	labetalol hcl TABS 300 MG	31	33
		lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML .		LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125
		12		MCG, 250 MCG (digoxin)
				33
				lansoprazole CPDR 15 MG
				63
				lansoprazole CPDR 30 MG
				63
				lanthanum carbonate CHEW
				46
				lapatinib ditosylate
				26
				LASTACAFT
				58
				latanoprost SOLN
				58
				leflunomide
				4
				lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG,
				15 MG, 25 MG
				54

lenalidomide 20 MG	54	18	lidocaine-prilocaine CREA	41
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE ...	24	levocetirizine dihydrochloride TABS	lincomycin hcl	22
LENVIMA 12MG DAILY DOSE ...	24	18	linezolid SUSR	22
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE ...	24	levofloxacin (ophth) 0.5 %	linezolid TABS	22
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE ...	24	levofloxacin in d5w 5 %-500	LINZESS	46
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE ...	24	MG/100ML	liothyronine sodium SOLN	62
LENVIMA 24 MG DAILY DOSE ...	24	levofloxacin SOLN OR	liothyronine sodium TABS	62
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	24	45	lisdexamfetamine dimesylate CAPS	1
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	24	levofloxacin TABS 500 MG	lisinopril & hydrochlorothiazide ...	20
letrozole	25	levonorgestrel & eth estradiol TABS	lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10	
leucovorin calcium SOLR	27	34	MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	19
leucovorin calcium TABS	27	levonorgestrel (emergency oc) 1.5	lithium	28
LEUKERAN	23	MG	lithium carbonate CAPS	28
LEUKINE SOLR IJ	48	levonorgestrel-eth estradiol	lithium carbonate TABS	28
leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML		(triphasic)	lithium carbonate TBCR	28
.....	25	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-	LO LOESTRIN FE TABS	34
levalbuterol hcl	10	day) 0.03 MG-0.15 MG	LOKELMA	54
levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML ...	10	34	loperamide hcl CAPS	16
levalbuterol tartrate	10	levonorgestrel-ethinyl estradiol	lopinavir-ritonavir SOLN	30
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	16	(continuous)	lopinavir-ritonavir TABS	30
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN ...	16	34	loratadine CAPS	18
LEVEMIR SOLN	16	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron	loratadine CHEW	18
levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML		34	loratadine SOLN	18
12		levorphanol tartrate TABS 2 MG ...	loratadine TABS	18
levetiracetam TABS 1000 MG	12	5	loratadine TBDP	18
levetiracetam TABS 250 MG, 750		levothyroxine sodium TABS	lorazepam CONC	8
MG	12	62	lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG ...	8
levetiracetam TABS 500 MG	12	LEXIVA SUSP	lorazepam TABS 1 MG	8
levetiracetam TB24	12	30	LORBRENA	26
levobunolol hcl 0.5 %	57	lidocaine hcl (local anesth.) SOLN	losartan potassium &	
levocetirizine dihydrochloride SOLN		0.5 %, 1 %, 2 %	hydrochlorothiazide 12.5 MG-100	
		49		
		lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ...		
		54		
		lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ...		
		55		
		lidocaine hcl GEL 2 %		
		41		
		lidocaine hcl PRSY		
		41		
		lidocaine hcl SOLN		
		41		
		lidocaine PTCH 5 %		
		41		

MG, 25 MG-100 MG	20	magnesium sulfate IJ 50 %	53	melphalan	23
losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 20		malathion	41	melphalan hcl	23
losartan potassium	20	maraviroc TABS 150 MG	30	memantine hcl TABS	60
LOTEMAX OINT	57	maraviroc TABS 300 MG	30	MENACTRA	63
loteprednol etabonate GEL	57	MARPLAN	13	MENEST	45
loteprednol etabonate SUSP	57	MASONATAL TABS	55	MENOSTAR PTWK	45
lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ...	19	MATULANE	27	MENQUADFI	63
lovastatin TABS 40 MG	19	MAXIDEX SUSP OP	57	MENVEO SOLR	63
loxapine succinate	29	MAXX LUBRICATED MISC	50	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML	5
lubiprostone	46	MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	50	meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML	5
LUCEMYRA	59	meclizine hcl TABS 12.5 MG	17	meperidine hcl TABS 50 MG	5
luliconazole	38	meclizine hcl TABS 25 MG	17	meprobamate	8
LUMIZYME	44	meclofenamate sodium CAPS	4	mercaptopurine TABS	23
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	25	MEDROL TABS	35	meropenem	21
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	25	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM	35	mesalamine CP24	46
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM .	25	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM	35	mesalamine CPDR	46
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM .	25	medroxyprogesterone acetate 10 MG	59	mesalamine ENEM	46
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) . 44		medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG	59	mesalamine SUPP	46
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	44	mefenamic acid CAPS	4	mesalamine TBEC 1.2 GM	46
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	44	mefloquine hcl	22	mesalamine TBEC 800 MG	46
lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG	28	megestrol acetate (appetite)	59	metaxalone 800 MG	56
lurasidone hcl 80 MG	28	megestrol acetate SUSP	25	metformin hcl TABS 1000 MG	15
LYNPARZA TABS	26	megestrol acetate TABS	25	metformin hcl TABS 500 MG	15
LYSODREN	25	MEKINIST TABS 0.5 MG	26	metformin hcl TABS 850 MG	15
mafenide acetate PACK	39	MEKINIST TABS 2 MG	26	metformin hcl TB24 500 MG	15
		MEKTOVI	26	metformin hcl TB24 750 MG	15
		meloxicam TABS	4	methadone hcl CONC	5
				METHADONE HCL SOLN IJ	5
				methadone hcl SOLN OR	5

methadone hcl TABS 10 MG5	methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG2	metronidazole (topical) LOTN 41
methadone hcl TABS 5 MG5	methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG2	metronidazole TABS21
methadone hcl TBSO5	methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG2	metronidazole vaginal67
methamphetamine hcl1	methylphenidate PTCH2	mexiletine hcl8
methazolamide TABS43	methylprednisolone acetate SUSP 36	micafungin sodium17
methenamine hippurate22	methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG36	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG67
methimazole TABS62	methylprednisolone TABS36	midodrine hcl67
METHITEST TABS7	methylprednisolone TBPK36	miglitol14
methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG56	metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML46	miglustat47
METHOTREXATE2	metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML46	minocycline hcl CAPS61
methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML23	metoclopramide hcl TABS46	minocycline hcl TABS61
methotrexate sodium SOLR23	metolazone43	minoxidil 2.5 MG, 10 MG21
methotrexate sodium TABS 2.5 MG 24	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG20	MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML48
methoxsalen rapid39	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG20	mirtazapine TABS 15 MG13
methscopolamine bromide62	metoprolol succinate TB24 200 MG 32	mirtazapine TABS 30 MG13
methsuximide13	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG32	mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG 13
methyldopa TABS20	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML32	mirtazapine TBDP 15 MG13
methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG1	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG32	mirtazapine TBDP 30 MG13
methylphenidate hcl CP24 30 MG ..2	metronidazole (topical) CREA41	mirtazapine TBDP 45 MG13
methylphenidate hcl CP241	metronidazole (topical) GEL 0.75 % 41	misoprostol63
methylphenidate hcl CPR2	metronidazole (topical) GEL 1 % ..41	mitomycin SOLR IV 20 MG25
methylphenidate hcl SOLN2		mitoxantrone hcl 2 MG/ML25
methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG2		M-M-R II SOLR66
methylphenidate hcl TABS 5 MG ...2		M-NATAL PLUS TABS55
methylphenidate hcl TB24 27 MG ..2		modafinil 100 MG2
methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG2		modafinil 200 MG2
		MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP66

MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP . 66	MULPLETA48	nateglinide16
MODERNA COVID-19 VACCINE6-11Y SUSP66	MULTI PRENATAL TABS 55	NAYZILAM 11
MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP66	mupirocin calcium (topical)37	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 32
moexipril hcl19	mupirocin OINT37	nebivolol hcl 20 MG32
mometasone furoate (nasal) SUSP 56	MVASI24	NEBUSAL NEBU 36
mometasone furoate CREA41	MYALEPT44	nefazodone hcl14
mometasone furoate OINT 41	mycophenolate mofetil CAPS54	nelarabine24
mometasone furoate SOLN41	mycophenolate mofetil TABS54	neomycin sulfate TABS2
montelukast sodium CHEW9	mycophenolate sodium54	neomycin-bacitracin zn-polymyxin 57
montelukast sodium PACK9	MYLERAN TABS23	neomycin-polymy-dexameth OINT 58
montelukast sodium TABS9	nabumetone 4	neomycin-polymy-dexameth SUSP 58
morphine sulfate CP24 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG 5	nadolol TABS 20 MG32	neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...58
morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML5	nadolol TABS 40 MG32	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN . 58
morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML5	nadolol TABS 80 MG32	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP . 58
morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML5	naftifine hcl CREA 1 %38	NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG55
morphine sulfate TABS5	naftifine hcl CREA 2 %38	NEONATAL PLUS TABS55
morphine sulfate TBCR5	NAGLAZYME44	NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS55
MOTOFEN 16	nalbuphine hcl6	NEONATAL VITAMIN TABS55
MOVANTIK46	naloxone hcl LIQD17	neostigmine methylsulfate SOSY .23
moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP 57	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML17	NEO-SYNALAR37
moxifloxacin hcl in sodium chloride 45	naltrexone hcl17	NEUPRO28
moxifloxacin hcl TABS45	naproxen sodium TABS 550 MG ...4	NEVANAC58
MOZOBIL (plerixafor)48	naproxen SUSP4	nevirapine SUSP30
	naproxen TABS4	nevirapine TABS30
	naproxen TBEC 500 MG4	
	naratriptan hcl52	
	NATACYN57	
	NATAZIA34	

nevirapine TB24 100 MG 30	NIPENT 27	norethindrone acet & eth estra 35
nevirapine TB24 400 MG 30	nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG 32	norethindrone acetate TABS 59
NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium) 63	nitazoxanide TABS 21	norethindrone acetate-ethinyl estradiol 45
NEXTSTELLIS 35	nitisinone CAPS 44	norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe 35
niacin (antihyperlipidemic) TBCR .. 19	NITRO-BID OINT 7	norethindrone-eth estradiol (triphasic) 35
niacin CPCR 250 MG, 500 MG 67	nitrofurantoin 22	norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic) 35
niacin TABS 67	nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG 22	norgestimate-ethinyl estradiol 35
niacin TBCR 67	nitrofurantoin monohyd macro 22	norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG 35
NIACIN TR TBCR 67	nitroglycerin (intra-anal) 7	NORMOSOL-M/D5W 53
niacinamide TABS 100 MG 67	nitroglycerin CPCR 7	NORMOSOL-R 53
niacinamide TABS 500 MG 67	nitroglycerin PT24 7	nortriptyline hcl CAPS 14
nicardipine hcl CAPS 32	NITROGLYCERIN SOLN IV 7	nortriptyline hcl SOLN 14
nicardipine hcl SOLN 32	nitroglycerin SUBL 7	NORVIR PACK 30
nicotine MISC XX 61	NIVA-PLUS TABS 55	NORVIR SOLN 30
nicotine polacrilex GUM 61	nizatidine CAPS 62	NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS 42
nicotine polacrilex LOZG 61	nizatidine SOLN 62	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN 16
nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR 61	NORDITROPIN FLEXPLO SOPN 30 MG/3ML 44	NOVOLIN 70/30 SUSP 16
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT 61	NORDITROPIN FLEXPLO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML 44	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN 16
NICOTROL INHALER INHA 61	norelgestromin-ethinyl estradiol ... 35	NOVOLIN N SUSP 16
NICOTROL NS SOLN 61	norethin acet & estrad-fe CAPS ... 35	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ .. 16
nifedipine CAPS 10 MG 32	norethin acet & estrad-fe CHEW ... 35	NOVOLIN R SOLN IJ 16
nifedipine CAPS 20 MG 32	norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG 35	NOXAFIL SUSP (posaconazole) .. 18
nifedipine TB24 60 MG 32	norethindrone & eth estradiol 35	NP THYROID 120 TABS 62
nifedipine TB24 90 MG 32	norethindrone & ethinyl estradiol-fe 35	NP THYROID 15 TABS 62
nifedipine TB24 32	norethindrone (contraceptive) 35	NP THYROID 30 TABS 62
nilutamide 25		NP THYROID 60 TABS 62
nimodipine CAPS 32		
NINLARO 26		

NP THYROID 90 TABS	62	olmesartan medoxomil	20	LANCING DEVICE 30G	51
NUCALA SOAJ	8	olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide	20	OPILL	35
NUCALA SOLR	8	olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide	20	OPSUMIT	33
NUCALA SOSY 100 MG/ML	8	olopatadine hcl (nasal)	56	ORENITRAM TBCR	33
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	8	olopatadine hcl 0.1 %	58	ORLISSA	44
NUCYNTA ER TB12	5	olopatadine hcl 0.2 %	58	ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG	61
NUCYNTA TABS	5	omega-3-acid ethyl esters	19	ORKAMBI TABS	61
NUEDEXTA	61	omeprazole CPDR	63	ORLADEYO	47
NULOJIX	54	omeprazole magnesium CPDR ...	63	orphenadrine citrate TB12	56
nystatin (mouth-throat)	55	omeprazole TBEC	63	oseltamivir phosphate CAPS	31
nystatin (topical) CREA	38	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	63	oseltamivir phosphate SUSR	31
nystatin (topical) OINT	38	OMNIFLEX DIAPHRAGM	50	OSMOPREP	49
nystatin (topical) POWD EX	38	ONCASPAR	27	OSPHENA	44
nystatin TABS	18	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML . 17		OTEZLA TABS	4
nystatin-triamcinolone CREA	38	ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML	17	OTEZLA TBPK	4
nystatin-triamcinolone OINT	38	ondansetron hcl SOSY	17	oxacillin sodium IV 10 GM	59
octreotide acetate SOLN	45	ondansetron hcl TABS 24 MG	17	oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	23
ODEFSEY	30	ondansetron hcl TABS 4 MG	17	oxandrolone	7
ODOMZO	24	ondansetron hcl TABS 8 MG	17	oxaprozin TABS	4
OFEV	61	ondansetron hcl TABS 8 MG	17	oxazepam CAPS	8
ofloxacin (ophth)	57	ondansetron TBDP 4 MG	17	OXBRYTA TABS 500 MG	47
ofloxacin (otic)	58	ondansetron TBDP 8 MG	17	oxcarbazepine SUSP	12
ofloxacin 300 MG, 400 MG	45	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	55	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	12
OGIVRI	24	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	55	oxiconazole nitrate CREA	38
olanzapine SOLR	29	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	51	OXISTAT LOTN	38
olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..	29	ONETOUCH DELICA SAFETY		oxybutynin chloride SOLN	63
olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	29			oxybutynin chloride TABS 5 MG ...	63
olanzapine TBDP 20 MG	29				
olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	29				

oxybutynin chloride TB24	63	penicillin g potassium 5000000 UNIT	59
oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	5	paricalcitol CAPS	44
oxycodone hcl TABS	5	paricalcitol SOLN	44
oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	6	paroxetine hcl SUSP	14
oxymorphone hcl TABS	5	paroxetine hcl TABS 10 MG	14
oxymorphone hcl TB12 40 MG	5	paroxetine hcl TABS 20 MG	14
oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 5	5	paroxetine hcl TABS 30 MG	14
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	15	paroxetine hcl TABS 40 MG	14
OZEMPIC SOPN	15	paroxetine hcl TB24 12.5 MG	14
paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML	27	paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG	14
paclitaxel protein-bound particles ..	27	PASER PACK	23
paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG ..	28	pazopanib hcl	26
paliperidone 6 MG	28	PEDIARIX SUSY	62
palonosetron hcl SOLN	17	pediatric multivitamins w/fl CHEW ..	55
pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML	43	PEDVAX HIB SUSP	63
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	43	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid	49
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT- 97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT- 16800 UNIT	42	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM- 2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM	49
PANRETIN	38	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride	49
pantoprazole sodium TBEC 20 MG	63	PEGASYS SOLN	31
pantoprazole sodium TBEC 40 MG	63	PEGASYS SOSY	31
		PEMAZYRE	26
		pemetrexed disodium SOLR 500 MG 24	
		penciclovir	39
		penicillamine CAPS	54
		penicillamine TABS	54
		PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO- OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	59
		PENICILLIN G PROCAINE	59
		penicillin g sodium	59
		penicillin v potassium SOLR	59
		penicillin v potassium TABS	59
		PENTACEL	62
		pentazocine w/ naloxone hcl	6
		pentoxifylline	47
		perindopril erbumine 2 MG, 8 MG ..	19
		perindopril erbumine 4 MG	19
		PERJETA	24
		permethrin CREA	42
		permethrin LIQD EX	42
		perphenazine TABS	29
		perphenazine-amitriptyline	60
		PERSERIS PRSY	28
		PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE SUSP	66
		PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y SUSP	66
		PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP 66	
		PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y SUSP	66
		PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	66
		PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/ADULT RTU SUSP ..	66

PHEBURANE PLLT	44	PIQRAY 200MG DAILY DOSE ...	26	% , 5 %-20 MEQ/L-0.45 % , 5 %-20	
phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG	47	PIQRAY 250MG DAILY DOSE ...	26	MEQ/L-0.9 % , 5 %-30 MEQ/L-0.45	
phendimetrazine tartrate TABS	1	PIQRAY 300MG DAILY DOSE ...	26	% , 5 %-40 MEQ/L-0.45 % , 5 %-40	
phenelzine sulfate	13	pirfenidone CAPS	61	MEQ/L-0.9 %	53
phenobarbital ELIX	48	pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG 61		potassium chloride in dextrose 5 %- 20 MEQ/L	53
phenobarbital TABS 15 MG, 16.2 MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2 MG, 100 MG	48	pirfenidone TABS 534 MG	61	potassium chloride in nacl 20 MEQ/L- 0.45 % , 20 MEQ/L-0.9 % , 40 MEQ/L- 0.9 %	53
phenoxybenzamine hcl	20	piroxicam CAPS	4	potassium chloride microencapsulated crystals er	53
phentermine hcl CAPS	1	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..	53	potassium chloride PACK OR 20 MEQ	54
phenytoin CHEW	13	PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148)	53	POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 54	
phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG	13	PLEGRIDY SOPN	60	potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	54
phenytoin sodium SOLN	13	PLEGRIDY SOSY SC	60	potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ	54
phenytoin SUSP	13	PLEGRIDY STARTER PACK SOPN . 60		POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	53
PHEXXI	67	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	60	POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)	53
PHOSLYRA SOLN	46	plerixafor	48	potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG	46
PHOTOFRIN	27	PNEUMOVAX 23	63	potassium phosphates 236 MG/ML- 224 MG/ML	53
PIFELTRO	30	PNEUMOVAX 23/1 DOSE	63	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	37
pilocarpine hcl (oral)	55	podofilox SOLN	41	pralatrexate 20 MG/ML	24
pilocarpine hcl SOLN 1 % , 2 % , 4 % . 57		polymyxin b sulfate SOLR	22	pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG	28
pimecrolimus	41	polymyxin b-trimethoprim	57	pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG,	
pimozide	61	POMALYST	25		
pindolol TABS	32	posaconazole SUSP	18		
pioglitazone hcl	16	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML . 53			
pioglitazone hcl-glimepiride	15	potassium bicarbonate TBEF	53		
pioglitazone hcl-metformin hcl TABS . 15		potassium chloride CPCR	54		
piperacillin sodium-tazobactam sodium	59	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 % , 5 %-0.15 %-0.9 % , 5 %-10 MEQ/L-0.45 % , 5 %-20 MEQ/L-0.2			

1.5 MG	28	PREMARIN	67	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG	30
prasugrel hcl	47	PREMARIN SOLR	45	PREZISTA TABS 800 MG (darunavir)	30
pravastatin sodium	19	PREMARIN TABS	45	PRIFTIN	23
praziquantel	7	PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC	50	primaquine phosphate TABS	22
prazosin hcl CAPS	20	PREMPHASE	45	primidone 50 MG, 250 MG	12
PRECISION XTRA	42	PREMPRO	45	PRIORIX SUSR	66
PRED MILD	58	PRENATAL MULTIVITAMIN TABS 55		probenecid	47
prednicarbate OINT	41	PRENATAL ONE DAILY TABS ...	55	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 8	
prednisolone acetate (ophth)	58	PRENATAL PLUS TABS	55	prochlorperazine	29
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	58	PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	55	prochlorperazine maleate TABS ...	29
prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML 36		PRENATAL TABS	56	PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	48
prednisolone sodium phosphate TBDP	36	PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	55	PROCRIT 40000 UNIT/ML	48
prednisolone SOLN	36	PRENATAL VITAMIN TABS	55	progesterone CAPS	59
prednisolone TABS	36	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	55	PROGRAF PACK	54
prednisone SOLN	36	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	55	PROGRAF SOLN	54
prednisone TABS 1 MG, 5 MG	36	PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	55	PROLASTIN-C SOLN	61
prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG	36	PRENATRIX TABS	56	PROLEUKIN	27
prednisone TBPk	36	PRENATRYL TABS	56	PROLIA SOSY	43
pregabalin (once-daily) 330 MG ...	60	PREPLUS TABS	56	promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML	18
pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	60	PREVNAR 13	63	promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG	18
pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12		PREVNAR 20	63	promethazine hcl SUPP 50 MG ...	18
pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...	12	PREZCOBIX	30	promethazine hcl TABS	18
pregabalin SOLN	12	PREZISTA SUSP	30	propafenone hcl CP12	8
PREHEVBRIO	66	PREZISTA TABS (darunavir)	30	propafenone hcl TABS	8
				proparacaine hcl	57

propranolol hcl CP24	32	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG	21	REGRANEX	42
propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML	32	quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG- 20 MG	21	RELENZA DISKHALER	31
propranolol hcl TABS	32	quinidine sulfate TABS	8	RELEXXII TBCR 27 MG	2
propylthiouracil	62	quinine sulfate CAPS 324 MG	22	RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG ...	2
protriptyline hcl	14	QVAR REDHALER	9	RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G	51
PTS PANELS KETONE TEST	42	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	56	RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G	51
PULMICORT FLEXHALER AEPB ..	9	RA PRENATAL TABS	56	RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G	51
PULMOZYME	61	rabeprazole sodium TBEC	63	RELION KETONE TEST STRIPS STRP	42
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	56	raloxifene hcl	44	RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	42
pyrazinamide	23	ramelteon	49	RENFLIXIS	46
pyridostigmine bromide SOLN OR	23	ramipril CAPS	19	repaglinide 0.5 MG, 1 MG	16
pyridostigmine bromide TABS 60 MG	23	ranitidine hcl TABS 150 MG	62	repaglinide 2 MG	16
pyridostigmine bromide TBCR	23	ranolazine TB12 1000 MG	7	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	19
pyrimethamine	22	ranolazine TB12 500 MG	7	REPATHA SOSY	19
QC PRENATAL TABS	56	rasagiline mesylate	28	REPATHA SURECLICK SOAJ	19
QINLOCK	26	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC ..	50	RETACRIT	48
QUADRACEL SUSP	62	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	50	RETEVMO	26
QUADRACEL SUSY	62	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 50		RETROVIR IV INFUSION SOLN ..	30
quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG	29	REBIF REBIDOSE SOAJ	60	REXULTI	29
quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG	29	REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	60	ribavirin (hepatitis c) CAPS	31
quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG	29	REBIF SOSY	60	ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 31	
quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG	29	REBIF TITRATION PACK SOSY ..	60	RIDAURA	3
quinapril hcl 20 MG, 40 MG	19	RECOMBIVAX HB SUSP	66	rifabutin	23
quinapril hcl 5 MG, 10 MG	19	RECOMBIVAX HB SUSY	66	rifampin CAPS	23
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG	20	RECTIV (nitroglycerin (intra-anal))	.7	rifampin SOLR	23

riluzole TABS	56	ROTARIX SUSP	66	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG 30	
rimantadine hydrochloride TABS ..	31	ROTATEQ SOLN	66	SEREVENT DISKUS	10
ringer's	53	ROZLYTREK CAPS	26	sertraline hcl CONC	14
ringer's irrigation	54	RUBRACA	26	sertraline hcl TABS 100 MG	14
RINVOQ	2	rufinamide SUSP	12	sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG 14	
risedronate sodium TABS 150 MG	43	rufinamide TABS 200 MG	12	sevelamer carbonate PACK	46
risedronate sodium TABS 35 MG ..	43	rufinamide TABS 400 MG	12	sevelamer carbonate TABS	46
risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG	43	RUKOBIA	30	SHINGRIX	66
risedronate sodium TBEC	43	RUXIENCE	24	SIGNIFOR	45
RISPERDAL CONSTA (risperidone microspheres)	29	RYBELSUS TABS	15	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN	33
risperidone microspheres	29	salsalate	4	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	33
risperidone SOLN	29	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT ..	45	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS	33
risperidone TABS	29	SANTYL OINT	41	sildenafil citrate	33
risperidone TBDP	29	sapropterin dihydrochloride PACK	44	silodosin	47
ritonavir TABS	30	sapropterin dihydrochloride TABS	44	silver sulfadiazine	39
rivastigmine tartrate CAPS	60	SAVELLA TABS	60	SIMPONI ARIA SOLN	3
rizatriptan benzoate TABS 10 MG ..	52	SAVELLA TITRATION PACK MISC 60		SIMULECT	54
rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..	52	saxagliptin hcl	15	simvastatin TABS	19
rizatriptan benzoate TBDP 10 MG ..	52	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG- 2.5 MG	15	sirolimus TABS	54
rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..	52	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG	15	SIRTURO	23
roflumilast	9	scopolamine	17	SIVEXTRO TABS	22
romidepsin SOLR	26	SELECT INSULIN SYRINGES	51	SKYRIZI PEN SOAJ	39
ropinirole hydrochloride TABS	28	SELECT INSULIN SYRINGES	52	SKYRIZI PSKT	39
ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG	28	SELECT LANCETS	51	SKYRIZI SOCT	46
ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG	28	selegiline hcl CAPS	28	SKYRIZI SOSY	39
rosuvastatin calcium TABS	19	selegiline hcl TABS	28	SLYND	35
ROTARIX SUSP	66	selenium sulfide LOTN 2.5 %	39	SM PRENATAL VITAMINS TABS ..	56
		SELZENTRY SOLN	30		

SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	53	sotalol hcl (afib/afi)	32	STRIVERDI RESPIMAT	10
sodium acetate SOLN	53	sotalol hcl TABS 240 MG	32	SUBLOCADE SOSY	6
sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	46	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	32	SUBSYS LIQD 100 MCG	5
sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	36	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	66	SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	5
sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	54	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	66	SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	5
sodium citrate & citric acid	46	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	66	sucralfate SUSP	63
sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG	53	spinosad	42	sucralfate TABS	63
sodium phenylbutyrate POWD	44	SPIRIVA HANDIHALER CAPS (tiotropium bromide monohydrate) ..	9	sulconazole nitrate CREA	38
sodium phenylbutyrate TABS	44	SPIRIVA RESPIMAT AERS	9	sulconazole nitrate SOLN	38
sodium polystyrene sulfonate POWD 54		spironolactone & hydrochlorothiazide	43	sulfacetamide sodium (acne)	37
sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML	54	spironolactone TABS	43	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN .	57
sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate	49	SPRAVATO 56MG DOSE	13	sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	37
SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS	31	SPRAVATO 84MG DOSE	13	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	37
solifenacin succinate TABS	63	SPRYCEL	26	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	37
SOLIQUA 100/33	15	stannous fluoride CONC	55	sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %	37
SOLOSEC	2	stavudine CAPS	30	sulfadiazine TABS	61
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	36	STELARA 130 MG/26ML	46	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	21
SOLU-CORTEF 250 MG	36	STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	39	sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	21
SOLU-MEDROL 2 GM	36	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	39	sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	21
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG .	44	STELARA SOSY 90 MG/ML	39	SULFAMYLLON CREA	39
sorafenib tosylate	26	STENDRA	33	sulfasalazine TABS	46
SORBITOL 3 %	46	STIMATE SOLN NA	45	sulfasalazine TBEC	46
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	46	STIOLTO RESPIMAT	10	sulindac TABS	4
		STIVARGA	26		
		streptomycin sulfate SOLR	2		
		STRIBILD	30		

sumatriptan	52	TAGRISSO 80 MG	24	terbinafine hcl TABS	18
sumatriptan succinate SOAJ	52	TAKHZYRO SOLN	47	terbutaline sulfate SOLN	10
sumatriptan succinate SOCT	52	TAKHZYRO SOSY	47	terbutaline sulfate TABS	10
sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	52	TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	27	terconazole vaginal CREA	67
sumatriptan succinate TABS	52	tamoxifen citrate TABS	25	terconazole vaginal SUPP	67
sumatriptan-naproxen sodium	52	tamsulosin hcl	47	teriflunomide	60
sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	26	TASIGNA 150 MG, 200 MG	27	teriparatide (recombinant) SOPN ..	43
SUNOSI 150 MG	1	TASIGNA 50 MG	27	TERIPARATIDE SOPN	43
SUNOSI 75 MG	1	tavaborole	38	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	7
SYNAREL	44	tazarotene CREA	39	testosterone cypionate SOLN IM ...	7
SYNERA PTCH	41	TAZVERIK	27	testosterone enanthate SOLN IM ...	7
SYNJARDY TABS	15	TDVAX SUSP	62	TETANUS/DIPHTHERIA TOXOIDS- ADSORBED ADULT SUSP	62
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	TEFLARO	34	tetrabenazine	60
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	15	TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 12		tetracycline hcl CAPS	61
SYNRIBO	27	TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 12		THALOMID	54
SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	62	TEGSEDI	61	theophylline ELIX	10
TABLOID	24	telmisartan	20	theophylline SOLN	10
TABRECTA	26	telmisartan-amlodipine	21	theophylline TB12	10
tacrolimus (topical) OINT	41	telmisartan-hydrochlorothiazide ...	21	theophylline TB24	10
tacrolimus CAPS	54	temazepam 15 MG, 30 MG	49	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	56
tadalafil (pulmonary hypertension) TABS	33	temazepam 7.5 MG, 22.5 MG	49	THIOLA EC TBEC 100 MG (tiopronin)	47
tadalafil 5 MG	33	TEMODAR SOLR	23	THIOLA EC TBEC 300 MG (tiopronin)	47
TAFINLAR CAPS	26	temozolomide CAPS	23	thioridazine hcl	29
tafluprost	58	temsirolimus	27	thiotepa 15 MG	23
TAGRISSO 40 MG	24	TENIVAC INJ	62	thiothixene	29
		tenofovir disoproxil fumarate TABS 30		THYMOGLOBULIN	54
		terazosin hcl	20	THYROGEN 0.9 MG	42

tiagabine hcl	12	topiramate TABS 25 MG, 100 MG	12	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	37
TIBSOVO	27	topiramate TABS 50 MG	12	tretinoin microsphere 0.1 %	37
tigecycline	61	topotecan hcl SOLR	28	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	24
timolol maleate (ophth) SOLG	57	toremifene citrate	25	triamcinolone acetonide (mouth) ..	55
timolol maleate (ophth) SOLN	57	torsemide TABS	43	triamcinolone acetonide (nasal) AERO	56
timolol maleate TABS	32	TRACLEER TBSO	33	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %	41
tiopronin TBEC 100 MG	47	tramadol hcl TABS 50 MG	5	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %	41
tiopronin TBEC 300 MG	47	tramadol hcl TB24	5	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %	41
tiotropium bromide monohydrate CAPS	9	tramadol-acetaminophen	6	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %	41
TIVICAY TABS	30	trandolapril 1 MG, 2 MG	20	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %	41
tizanidine hcl CAPS	56	trandolapril 4 MG	20	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %	41
tizanidine hcl TABS	56	trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG	21	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %	41
tobramycin (ophth) SOLN	57	trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG	21	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %	41
tobramycin NEBU	2	tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML	48	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	41
tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML	2	tranexamic acid TABS	48	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	41
tobramycin-dexamethasone SUSP 58		tranylcypropramine sulfate	13	triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML	36
TODAY SPONGE MISC	66	travoprost SOLN	58	triamcinolone acetonide-dimethicone- silicone	41
tolcapone	28	TRAZIMERA	24	triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG	43
tolmetin sodium CAPS	4	trazodone hcl TABS	14	triamterene & hydrochlorothiazide TABS	43
tolmetin sodium TABS 600 MG	4	TRECTOR	23	triamterene CAPS	43
TOLSURA CAPS	18	TRELEGY ELLIPTA	10	triazolam	49
tolterodine tartrate CP24	63	TRELSTAR MIXJECT	25	TRICARE TABS	56
tolterodine tartrate TABS	63	TREMFYA SOPN	39	trientine hcl 250 MG	54
tolvaptan TABS	45	TREMFYA SOSY	39	trifluoperazine hcl TABS	29
topiramate CPSP 15 MG	12	treprostinil SOLN IJ	33		
topiramate CPSP 25 MG	12	tretinoin (chemotherapy)	27		
topiramate CS24	12	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %	37		
topiramate TABS 200 MG	12				

trifluridine	57	EXTRASTRENGTH MISC	50	TYVASO SOLN IN	33
trihexyphenidyl hcl SOLN	28	TRUSTEX LUBRICATED MISC ...	51	TYVASO STARTER SOLN IN	33
trihexyphenidyl hcl TABS	28	TRUSTEX		UBRELVY	52
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG .	15	LUBRICATED/RIBBED/STUDED MISC	50	UCERIS (budesonide (intrarectal)) .	7
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	15	TRUSTEX		UDENYCA ONBODY SOSY	48
TRIKAFTA TBPK 100 MG-50 MG .	61	LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	50	UDENYCA SOAJ	48
trimethobenzamide hcl CAPS	17	TRUSTEX		UDENYCA SOSY	48
trimethoprim TABS	21	LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	51	UPTRAVI TABS 200 MCG	33
trimipramine maleate CAPS	14	TRUSTEX		UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	33
TRINTELLIX	14	LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	51	UPTRAVI TITRATION PACK TBPK	33
TRIUMEQ TABS	30	TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	51	ursodiol CAPS	46
TRIZIVIR	30	TRUSTEX WITH NONOXYNOL- 9/RIBBED/STUDED MISC	51	ursodiol TABS	46
tropicamide SOLN 0.5 %	57	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC .	51	UVADEX	27
tropicamide SOLN 1 %	57	TRUSTEX/RIA LUBRICATED		valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG ...	31
tropium chloride CP24	63	SPERMICIDE MISC	51	valacyclovir hcl 500 MG	31
tropium chloride TABS	63	TRUSTEX/RIA LUBRICATED		valganciclovir hcl TABS	31
TRUE METRIX BLOOD		LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	51	valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML	13
GLUCOSETEST STRIPS STRP ..	42	TRUSTEX/RIA		valproic acid CAPS	13
TRUE METRIX CONTROL		LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	51	valrubicin	25
SOLUTION LEVEL 3 SOLN	51	TRUXIMA	24	valsartan TABS	20
TRUE METRIX SELF MONITORING		TUKYSA	24	valsartan-hydrochlorothiazide	21
BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP	42	TURALIO	27	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	11
42		TUZISTRA XR	36	VALTOCO 15 MG DOSE LQPK ...	11
TRUETRACK TEST STRP	42	TWINRIX SUSY	66	VALTOCO 20 MG DOSE LQPK ...	11
TRULICITY	16	TWIRLA	35	VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	11
TRUMENBA	64	TYBLUME CHEW	35	vancomycin hcl CAPS	21
TRUSTEX COLOR CONDOMS +		TYBOST	31	vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG	21
LUBE MISC	50	TYMLOS	44		
TRUSTEX LUBRICATED		TYVASO REFILL SOLN IN	33		
EXTRALARGE MISC	50				
TRUSTEX LUBRICATED					

vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML .21	vincristine sulfate27	DIAPHRAGM KIT 8051
VAQTA66	vinorelbine tartrate 10 MG/ML27	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 8551
varenicline tartrate TABS61	VIRACEPT TABS 250 MG31	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 9051
varenicline tartrate TBPK61	VIRACEPT TABS 625 MG31	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 9551
VARIVAX INJ66	VIREAD POWD31	XALKORI CAPS27
VARUBI TBPK17	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG31	XARELTO STARTER PACK TBPK 10
VAXNEUVANCE64	VISTOGARD17	XARELTO SUSR10
VECAMYL21	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT67	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..10
VECTIBIX 100 MG/5ML24	VITATHELY/GINGER TABS56	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..10
venlafaxine hcl CP24 150 MG14	VITRAKVI CAPS27	XELJANZ SOLN2
venlafaxine hcl CP24 37.5 MG14	VITRAKVI SOLN27	XELJANZ TABS 10 MG2
venlafaxine hcl CP24 75 MG14	VIVITROL17	XELJANZ TABS 5 MG2
venlafaxine hcl TABS14	VIZIMPRO24	XELJANZ XR TB242
venlafaxine hcl TB24 150 MG14	VORAXAZE27	XGEVA SOLN44
venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG14	voriconazole TABS18	XHANCE EXHU56
verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG32	VOTRIENT (pazopanib hcl)27	XIFAXAN 200 MG21
verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG32	VYNDAMAX33	XIFAXAN 550 MG21
verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML ...32	VYDAQEL33	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG15
verapamil hcl TABS32	VYVANSE CAPS1	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG15
verapamil hcl TBCR32	warfarin sodium TABS10	XOLAIR SOLR8
VEREGEN37	water for irrigation, sterile54	XOLAIR SOSY 150 MG/ML8
VERZENIO27	WESTAB PLUS TABS56	XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML8
VICTOZA16	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 6051	XOSPATA27
vigabatrin PACK12	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 6551	XPOVIO25
vigabatrin TABS12	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 7051	XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY 25
VIIBRYD STARTER PACK KIT14	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 7551	
vilazodone hcl TABS14	WIDE-SEAL SILICONE	

XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY 25	zileuton TB12	9
XTAMPZA ER	ziprasidone hcl	28
XTANDI CAPS	ZIRABEV	24
XTANDI TABS 40 MG	ZIRGAN GEL	57
XTANDI TABS 80 MG	ZOLADEX 10.8 MG	25
XULTOPHY 100/3.6	ZOLADEX 3.6 MG	25
YERVOY	zoledronic acid CONC	44
YONSA	zoledronic acid SOLN	44
zafirlukast	ZOLINZA	27
zaleplon 10 MG	zolmitriptan SOLN	52
zaleplon 5 MG	zolmitriptan TABS	53
ZALTRAP 100 MG/4ML	zolmitriptan TBDP	53
ZANOSAR	zolpidem tartrate TABS	49
ZARONTIN CAPS (ethosuximide)	zolpidem tartrate TBCR	49
ZARXIO	zonisamide CAPS	12
ZEJULA CAPS	ZONTIVITY	47
ZELBORAF	ZORBTIVE SC	44
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	ZUBSOLV SUBL	6
ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT	ZYDELIG	27
zidovudine CAPS		
zidovudine SYRP		
zidovudine TABS		
ZIEXTENZO		

Ambetter from Arkansas Health & Wellness includes products that are underwritten by Celtic Insurance Company (dba Arkansas Health and Wellness Solutions), QCA Health Plan, Inc., and QualChoice Life and Health Insurance Company, Inc., which are Qualified Health Plan issuers in the Arkansas Health Insurance Marketplace. This is a solicitation for insurance.
© 2023 Celtic Insurance Company (dba Arkansas Health and Wellness Solutions), QCA Health Plan, Inc., and Qualchoice Life & Health Insurance Company, Inc.
All rights reserved.